

Khóa luận tốt nghiệp

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : **Hoàng Thị Lan**  
Giảng viên hướng dẫn : **Ths. Trần Thị Thanh Phương**

**HẢI PHÒNG - 2011**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC  
ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY VẬN TẢI QUỐC TẾ  
NHẬT VIỆT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : **Hoàng Thị Lan**  
Giảng viên hướng dẫn : **Ths.Trần Thị Thanh Phương**



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Hoàng Thị Lan

Mã SV: 110037

Lớp : QT1101K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI**

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp ( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

Khái quát được những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt

Đánh giá được ưu, nhược điểm của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt, trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2010

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt

---

**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2011*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

**PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

Chịu khó học hỏi, nghiên cứu tài liệu, phục vụ cho quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu

Tuân thủ nghiêm túc yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

- Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu

- Về mặt thực tế: Tác giả đã phản ánh được thực trạng của đối tượng nghiên cứu

- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn và có tính khả thi

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....  
.....  
.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(họ tên và chữ ký)*

## **NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI**

4. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - + Khái quát hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
  - + Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt.
  - + Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt, trên cơ sở đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.
5. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.  
Số liệu năm 2010 của Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt
6. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.  
Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt

## **LỜI MỞ ĐẦU**

Trong bối cảnh đất nước ta đang từng bước hội nhập với nền kinh tế thế giới, vai trò của các doanh nghiệp càng ngày được khẳng định. Để đạt được những mục tiêu kinh doanh: nâng cao doanh thu, giảm thiểu chi phí nhưng vẫn



đảm bảo chất lượng sản phẩm thì nhà quản lý cần nhận thức rõ vai trò của các thông tin kinh tế. Có thể nói, kế toán là cánh tay đắc lực giúp nhà quản lý có thể nắm bắt được tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt. Em nhận thấy công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, em quyết định lựa chọn đề tài: “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt” làm khóa luận của mình.

Kết cấu của khóa luận bao gồm 3 chương được trình bày như sau:

**Chương 1:** Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

**Chương 2:** Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt.

**Chương 3:** Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt.

Em xin chân thành cảm ơn thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương, các thầy cô trong Khoa Quản Trị Kinh Doanh trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, các cô chú trong Phòng Tài Chính Kế Toán của Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

Sinh viên

Hoàng Thị Lan

**CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ  
TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TRONG DOANH NGHIỆP**

## 1.1 PHÂN LOẠI HOẠT ĐỘNG VÀ CÁCH XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TỪNG HOẠT ĐỘNG

### ❖ Phân loại hoạt động trong doanh nghiệp

Hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp gồm 3 hoạt động cơ bản:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh
- Hoạt động tài chính
- Hoạt động khác

➤ Hoạt động sản xuất kinh doanh: Là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

Kết quả hoạt động sản xuất KD	= DTT về BH và cung cấp DV	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí bán hàng - Chi phí quản lý DN
-------------------------------	----------------------------	---	------------------	---	---------------------------------------

Trong đó:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
---	---	--	---	------------------------------

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).
- Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:
  - ✓ Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp.
  - ✓ Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán hàng bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng lũy kế mà

khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

- ✓ Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- ✓ Giá trị hàng bán bị trả lại: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.
- Giá vốn hàng bán: là giá trị thực tế xuất kho của một số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.
- Chi phí bán hàng: là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn DN.
- Hoạt động tài chính: là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả hoạt động} & & \text{Doanh thu hoạt động} & & \text{Chi phí hoạt} \\ \text{tài chính} & = & \text{tài chính} & - & \text{động tài chính} \end{array}$$

- Doanh thu hoạt động tài chính: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính, bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.
- Chi phí hoạt động tài chính: bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay

vốn, giao dịch chứng khoán... khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán...

➤ Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

- Thu nhập khác: là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.
- Chi phí khác: là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

## **1.2. NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp chủ yếu thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh, hiện có và tình hình biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo tiêu chuẩn số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

## **1.3. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

Tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có một vai trò vô cùng quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn đối với các đối tượng khác như là các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

- Đối với doanh nghiệp: Công tác này giúp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Đối với các nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Để từ đó đưa ra những quyết định có nên đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

- Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các tổ chức tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính nhằm đưa ra quyết định có nên cho vay hay không đối với doanh nghiệp đó.

- Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

## **1.4. NỘI DUNG CỦA TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

### **1.4.1. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.**

#### **1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp.**

- Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng: thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:
  - + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
  - + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
  - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

➤ Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

+ Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

➤ ***Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:***

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán

- Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo qui định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo, hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

➤ ***Các phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ:***

- Bán hàng trực tiếp: Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất (không qua kho của các doanh nghiệp). Bán hàng trực tiếp còn bao gồm bán buôn và bán lẻ, trong đó:

+ Bán buôn: Là các quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn nằm trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện hoàn toàn. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

+ Bán lẻ: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và được quyền sở hữu tiền tệ.

- Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao thì số hàng này mới được coi là tiêu thụ. Bán hàng theo phương thức này gồm hai loại bán buôn và bán lẻ, song phương

thức giao hàng không tại kho hoặc đơn vị sản xuất mà giao tại bên mua hoặc tại các cửa hàng tiêu thụ.

- Bán hàng qua đại lý: Về bản chất, bán hàng theo phương thức này là bán theo phương thức chuyên hàng. Song, trong trường hợp này, bên giao phải trả cho bên đại lý một khoản tiền gọi là tiền hoa hồng đại lý.

- Bán hàng cho trả góp: Thực chất của phương thức bán hàng này là bán hàng trực tiếp kết hợp với nghiệp vụ cho khách hàng vay vốn. Vì vậy, tiền thu được từ quá trình bán hàng phải chia làm hai phần: Phần doanh thu bán hàng (tính theo giá bán tính tiền một lần) và doanh thu từ hoạt động tài chính (phần lãi cho khách hàng trả góp).

- Bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng: Nghĩa là doanh nghiệp lấy sản phẩm của mình quy ra giá cả trên thị trường rồi dùng số tiền quy đổi đó để mua sản phẩm của đơn vị khác. Trong trường hợp này, doanh thu được tính theo giá sản phẩm cùng loại mà doanh nghiệp bán thu tiền.

- Bán hàng theo phương thức tiêu thụ sản phẩm nội bộ: Là việc mua bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một công ty, tập đoàn. Theo phương thức này, doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

#### **1.4.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp**

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

##### **➤ Phương pháp tính giá vốn hàng bán:**

Để tính trị giá thực tế hàng xuất kho, doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các phương pháp sau đây:

- **Phương pháp bình quân gia quyền:**



Khi tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền ta có thể áp dụng một trong hai cách tính sau:

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, hàng hoá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, hàng hoá nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này khá đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ. Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm lớn là công tác kế toán dồn vào cuối kỳ ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Hơn nữa, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

+ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, hàng hoá thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Trị giá hàng xuất kho theo phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

**- Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):**

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

**- Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):**

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

Như vậy với phương pháp này, chi phí của lần mua gần nhất sẽ tương đối sát với trị giá vốn của hàng thay thế. Việc thực hiện phương pháp này sẽ đảm bảo được yêu cầu của nguyên tắc phù hợp trong kế toán. Tuy nhiên, trị giá vốn của hàng tồn kho cuối kỳ có thể không sát với giá thị trường của hàng thay thế.

**- Phương pháp thực tế đích danh:**

Theo phương pháp này sản phẩm, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

Phương pháp này thích hợp với những hàng hoá giá trị cao gắn với những đặc điểm riêng của nó.

**1.4.1.3. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.**

Để hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên kế toán sử dụng các loại chứng từ, tài khoản, sổ sách cũng như cách thức hạch toán như sau:

***Chứng từ sử dụng:***

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Phiếu kế toán
- Giấy báo có của ngân hàng

***Tài khoản sử dụng:***

**TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**- Bên Nợ:**

- + Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu và thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong kỳ.
- + Khoản giảm giá hàng bán
- + Trị giá hàng bán bị trả lại
- + Khoản chiết khấu thương mại
- + Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

**- Bên có:**

- + Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.

TK511 có 5 TK cấp 2:

- + TK5111: Doanh thu bán hàng hoá

- + TK5112: Doanh thu bán thành phẩm
- + TK5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + TK5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- + TK5117: Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư

***TK 511 không có số dư cuối kỳ***

**TK 512 - Doanh thu tiêu thụ nội bộ**

**- Bên Nợ:**

- + Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.
- + Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ, trị giá hàng bán bị trả lại
- + Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương thức trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- + Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

**- Bên có:**

- + Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán. Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.

TK511 có 3 TK cấp 2:

- + TK5121: Doanh thu bán hàng hoá
- + TK5122: Doanh thu bán thành phẩm
- + TK5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

***TK 512 không có số dư cuối kỳ***

**TK 521 - Chiết khấu thương mại**

**- Bên Nợ:**

- + Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

**- Bên Có:**

+ Kết chuyển toàn bộ chiết khấu thương mại sang TK511 hoặc TK512 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại có 3 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5211 - Chiết khấu hàng hoá
- + Tài khoản 5212 - Chiết khấu thành phẩm
- + Tài khoản 5213 - Chiết khấu dịch vụ

***TK 521 không có số dư cuối kỳ***

**TK 531: Hàng bán bị trả lại**

**- Bên Nợ:**

+Giá trị của hàng bán bị trả lại.

**- Bên Có:**

+ Kết chuyển toàn bộ giá trị hàng bán bị trả lại sang TK511 hoặc TK512.

***TK 531 không có số dư cuối kỳ***

**TK 532: Giảm giá hàng bán**

**- Bên Nợ:**

+ Các khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua hàng

**- Bên Có:**

+ Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán sang TK511 hoặc TK512.

***TK 532 không có số dư cuối kỳ***

**TK 632: Giá vốn hàng bán**

**- Bên Nợ:**

+ Phản ánh giá vốn sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.

+ Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào giá trị hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.

+ Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

- + Phản ánh chi phí xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- + Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước.
- + Phản ánh các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư đem cho thuê, bán, thanh lý và giá trị còn lại của bất động sản đem bán, thanh lý.

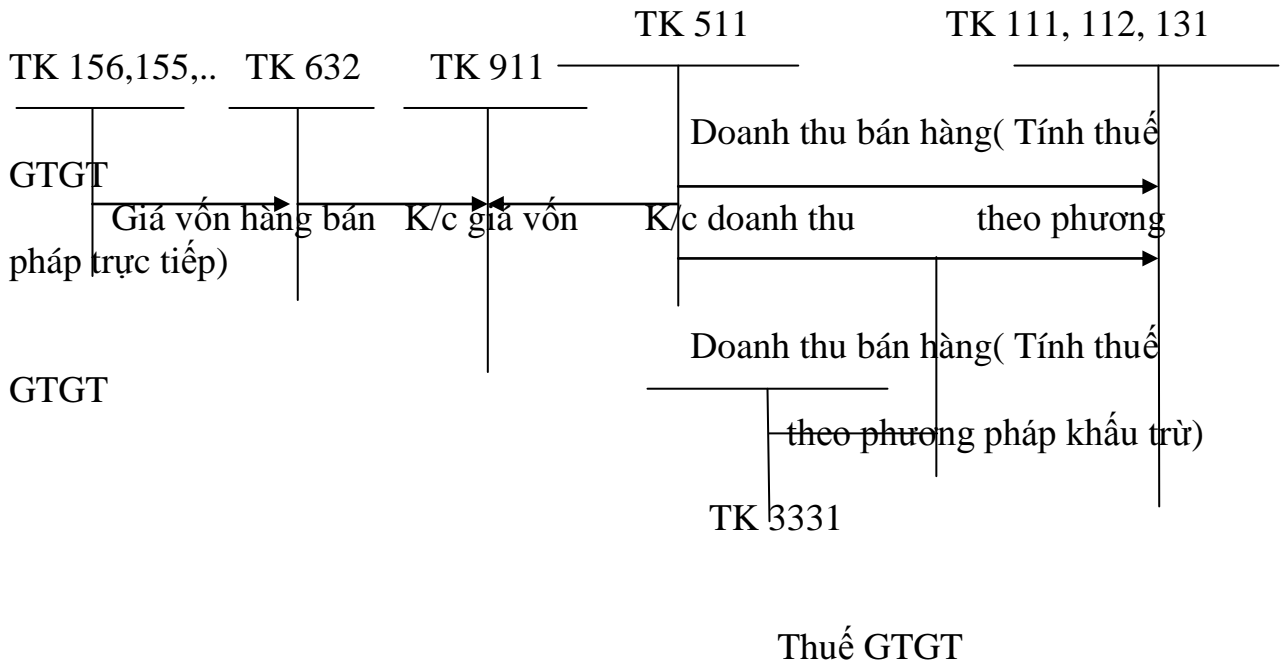
**- Bên Có:**

- + Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- + Giá vốn của hàng bán bị trả lại.
- + Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ và toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

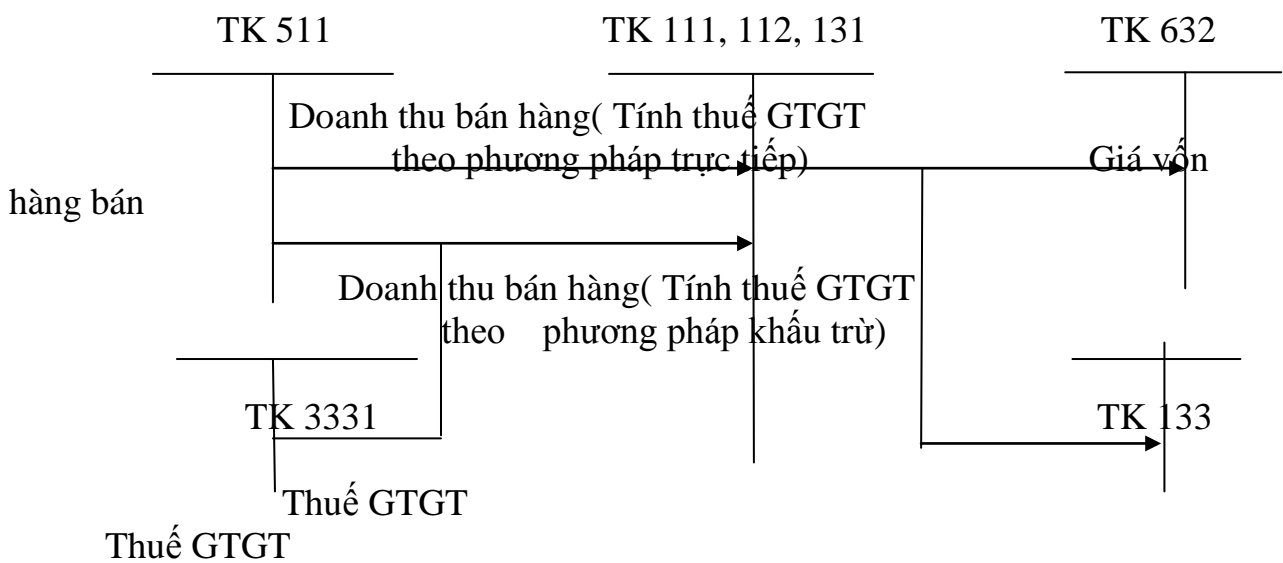
***TK 632 không có số dư cuối kỳ***

**Sơ đồ hạch toán:**

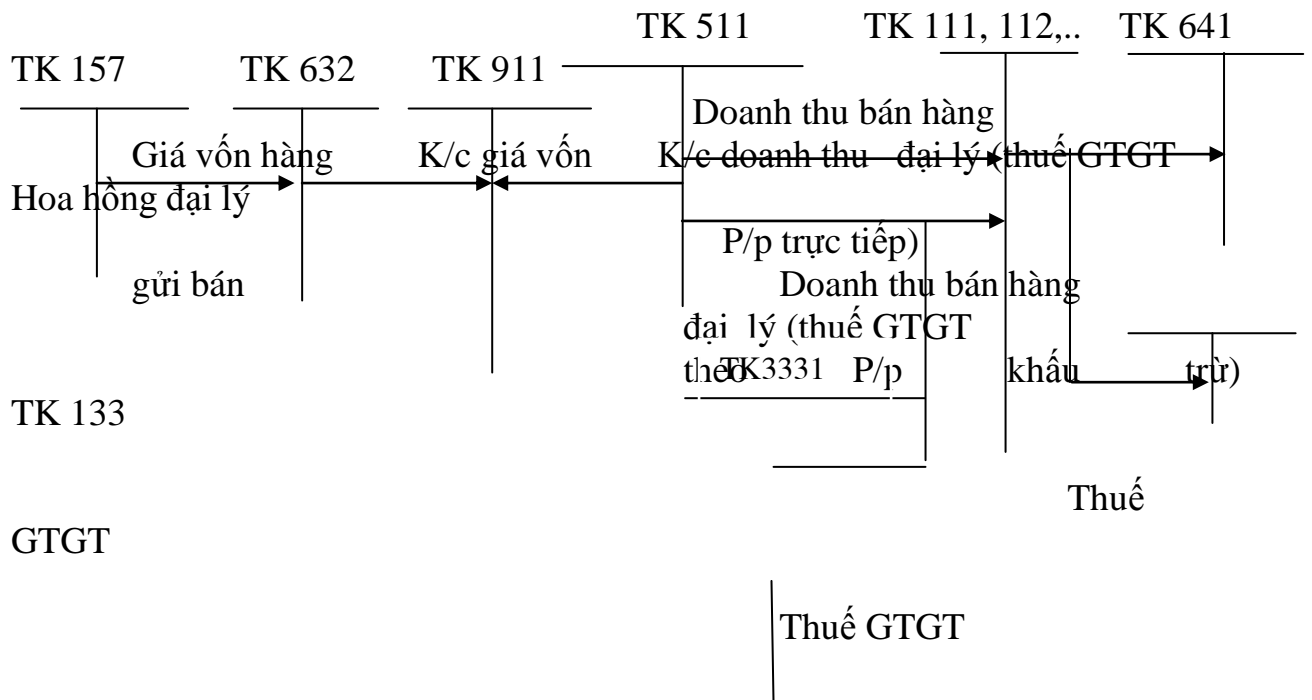
**Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu, giá vốn hàng bán  
(Theo phương thức trực tiếp)**



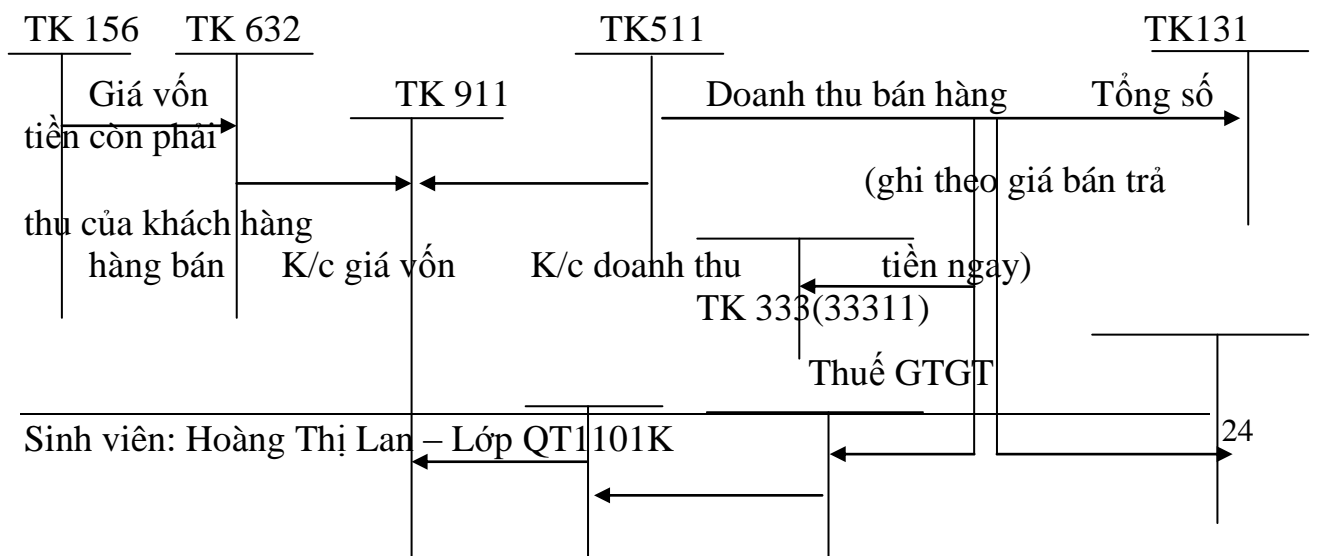
**Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán doanh thu, giá vốn hàng bán  
(Theo phương thức bán buôn vận chuyển thẳng)**



**Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán doanh thu, giá vốn hàng bán thông qua đại lý ký gửi:**



**Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán doanh thu, giá vốn hàng bán (Theo phương thức trả chậm, trả góp)**

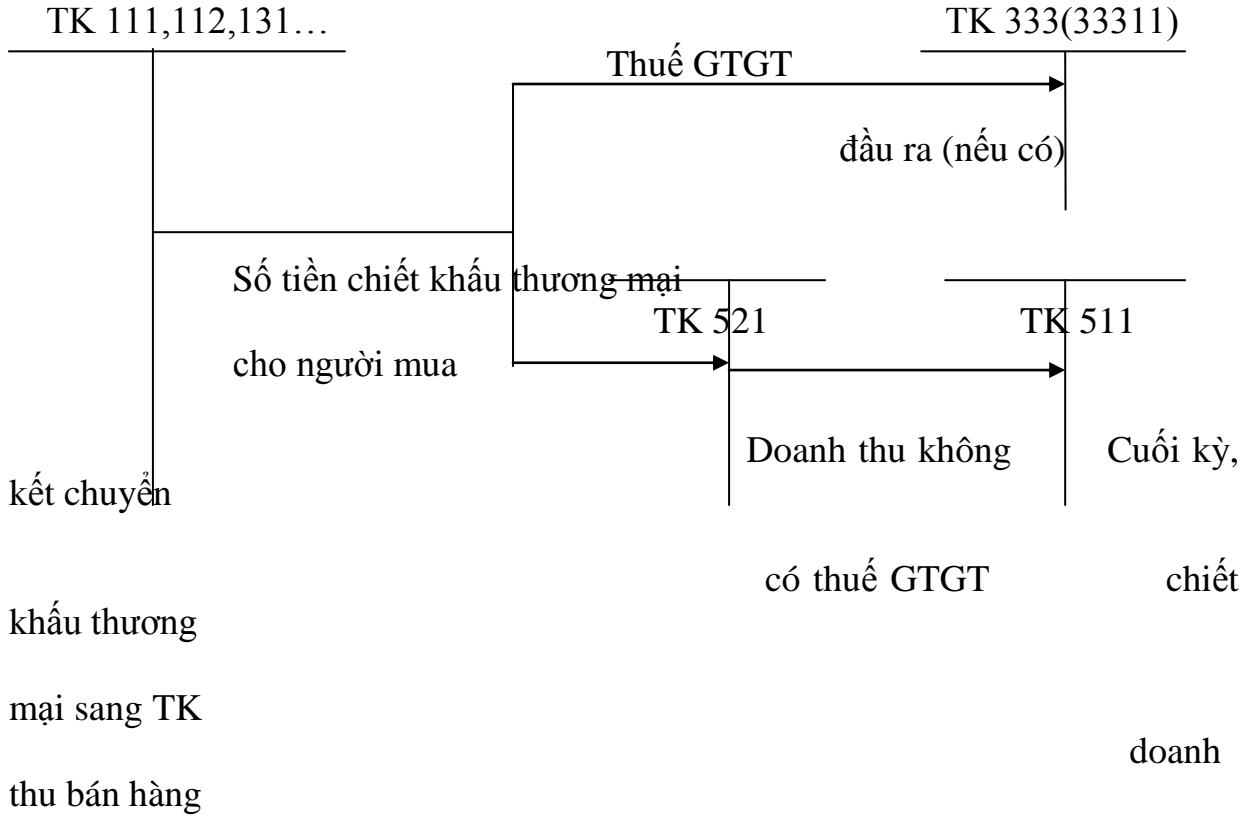






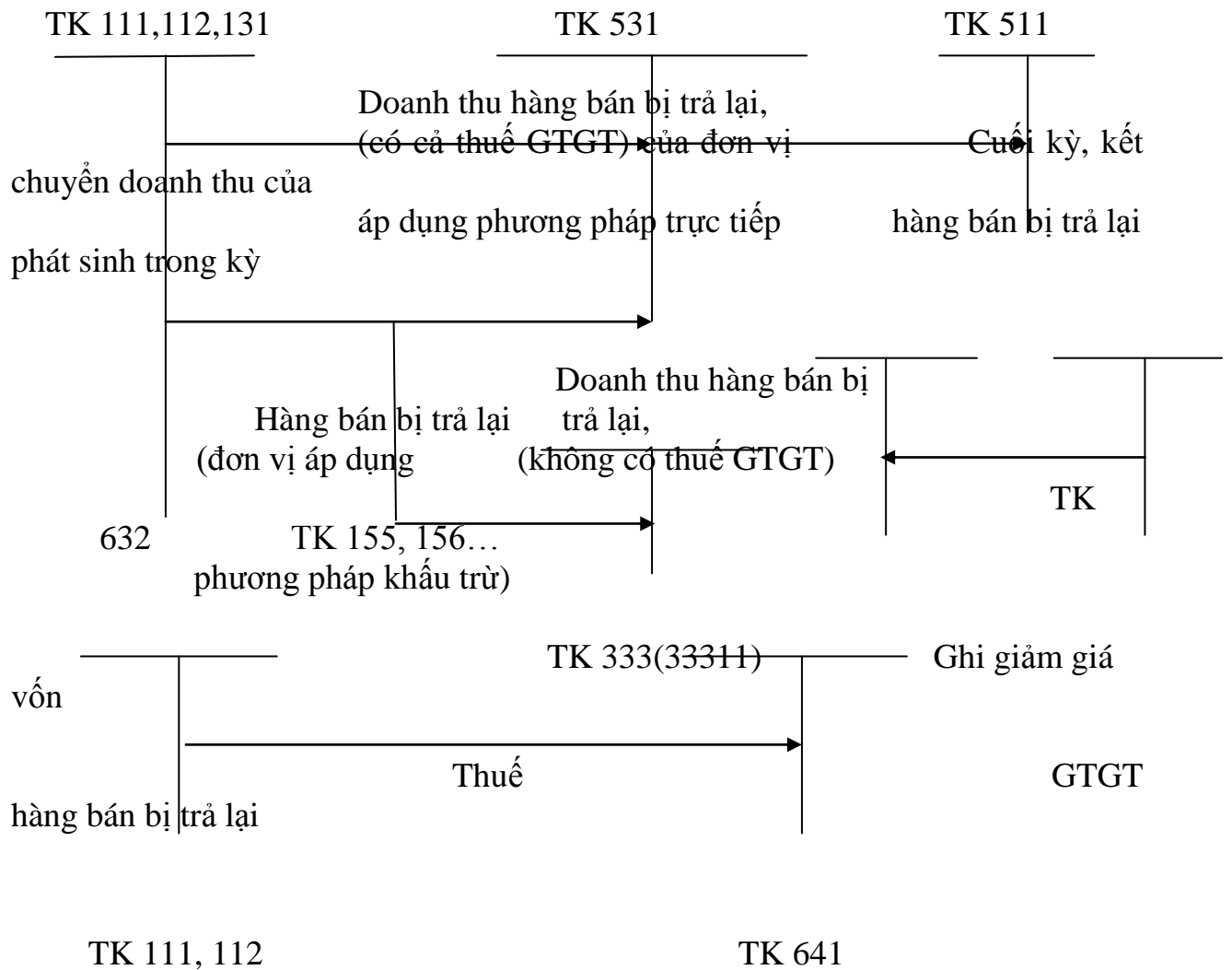
thêm

**Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại:**



**Sơ đồ 1.7**

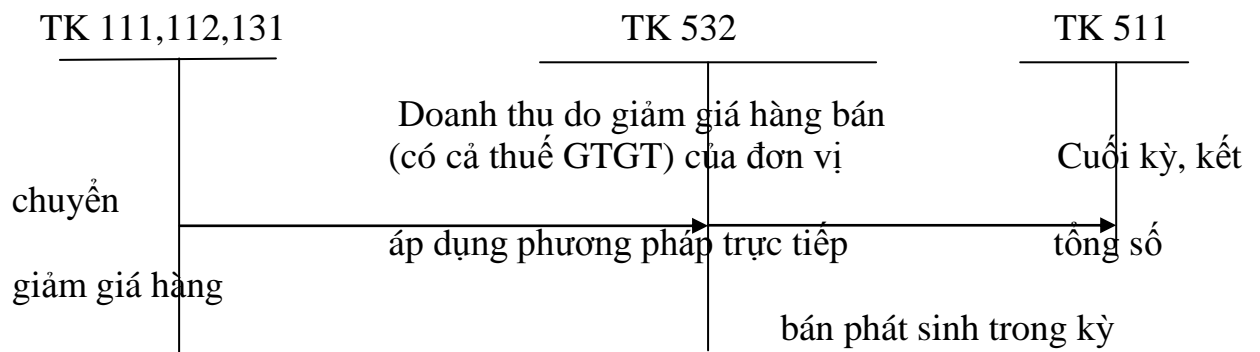
**Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại:**

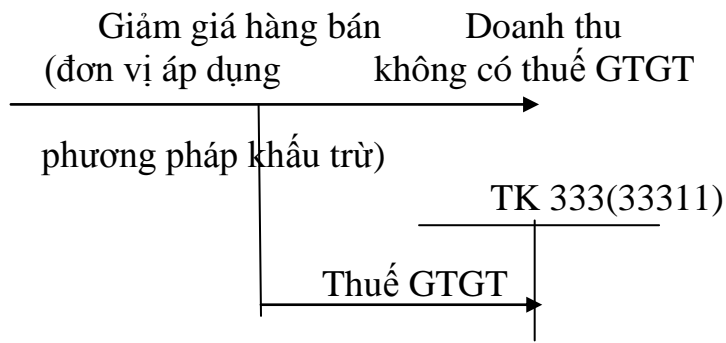


Chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại

**Sơ đồ 1.8.**

**Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán:**





**1.4.1.4 Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.**

***Chứng từ sử dụng:***

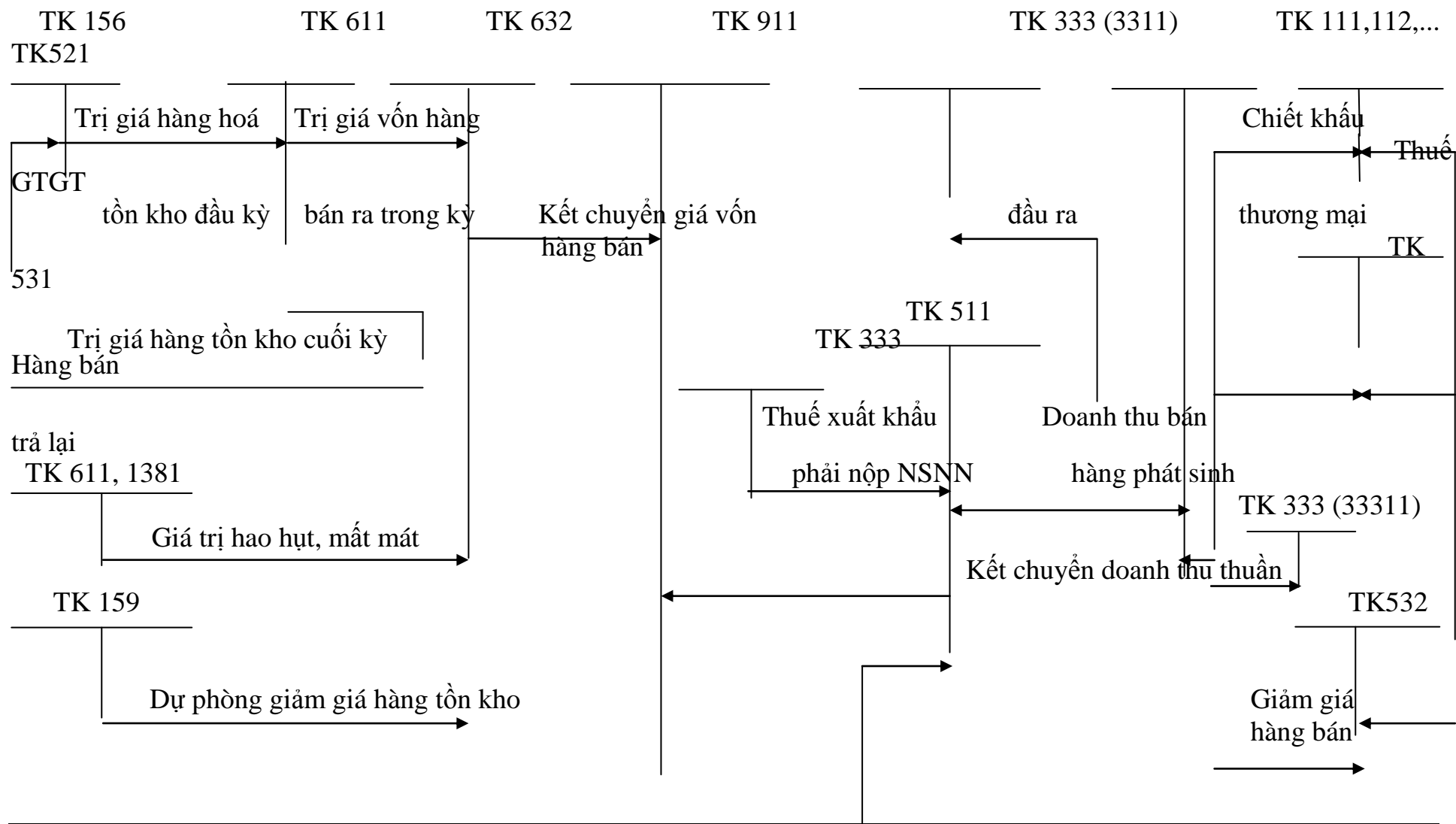
Giống như trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

***Tài khoản sử dụng:***

Ngoài các tài khoản mà doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên sử dụng thì trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ còn sử dụng thêm những tài khoản sau:

- TK 611: Mua hàng
- TK 631: Giá thành sản xuất

**Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán tổng hợp doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh**  
 (Theo phương pháp kiểm kê định kỳ và đơn vị áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



Kết chuyển các khoản chiết khấu thương mại,

doanh thu

---

hàng bán trả lại hoặc giảm giá hàng bán phát

sinh trong kỳ

**1.4.1.5. Tổ chức kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trong doanh nghiệp.**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý trong doanh nghiệp là những chi phí cố định mà doanh nghiệp phải bỏ ra trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- *Chi phí bán hàng*: Bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận bán hàng, các chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: Bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định, các chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

**TK 641 - Chi phí bán hàng:**

**- Bên Nợ:**

+ Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.

**- Bên Có:**

+ Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng (nếu có)

+ Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ vào bên Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

- Tài khoản 641 gồm 07 TK cấp 2:

+TK 6411 – Chi phí nhân viên.

+ TK 6412 – Chi phí vật liệu bao bì

+ TK 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng

+ TK 6414 – Chi phí khấu hao tài sản cố định

+ TK 6415 – Chi phí bảo hành

+ TK 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ TK 6418 – Chi phí bằng tiền khác

***TK 641 không có số dư cuối kỳ***

**Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp**

**- Bên Nợ:**

+ Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.

**- Bên Có:**

+ Các khoản được phép ghi giảm chi phí quản lý (nếu có).

+ Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang bên Nợ TK911 – Xác định kết quả kinh doanh

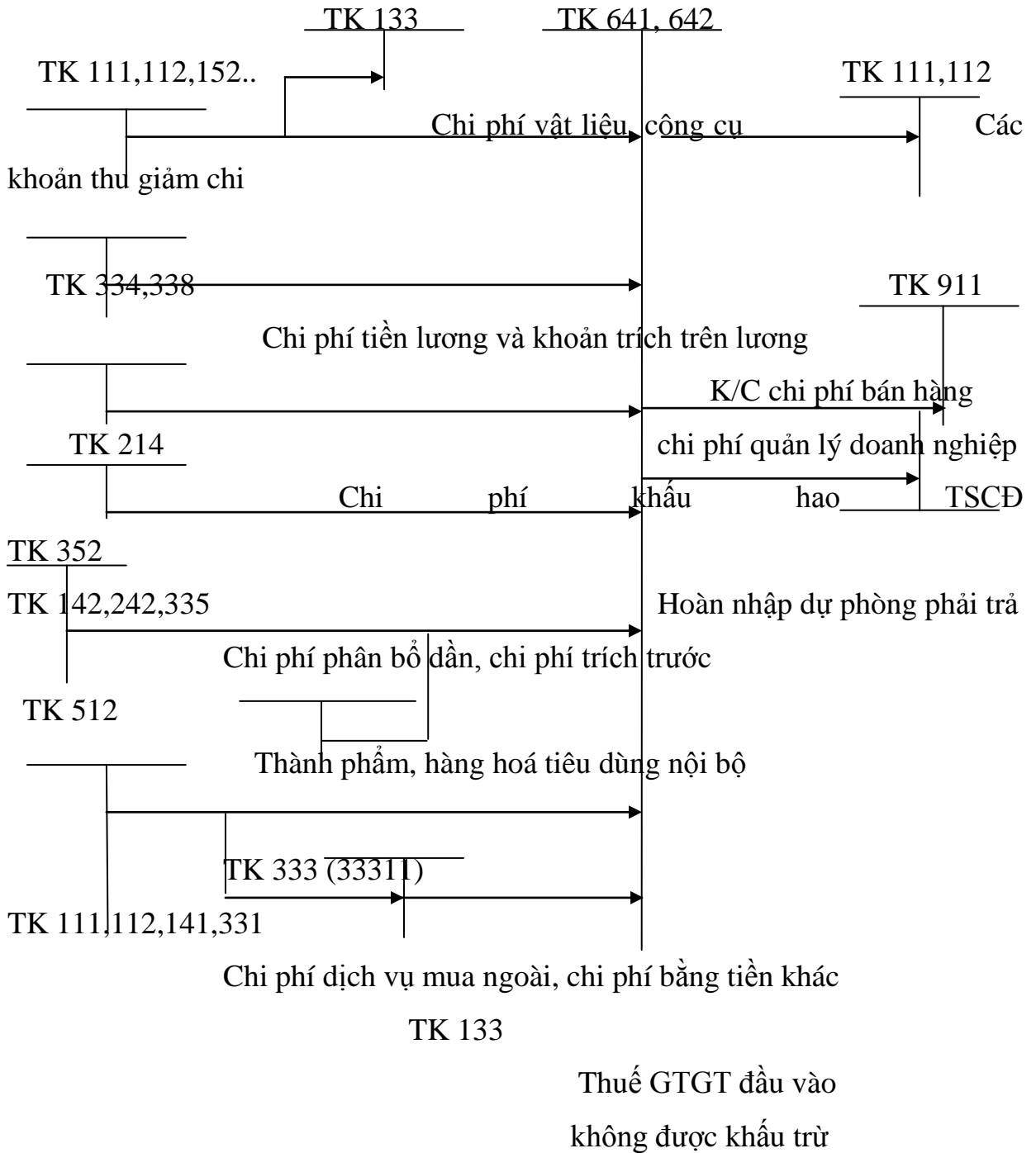
Tài khoản 642 bao gồm 08 tài khoản cấp 2 sau:

- + TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6424 – Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí
- + TK 6426 – Chi phí dự phòng
- + TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác

***TK 642 không có số dư cuối kỳ***



**Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:**



**1.4.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp.**

**1.4.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Tiền lãi, thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản; Cổ tức, lợi nhuận được chia; thu nhập về

hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng; thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.....

### **TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính**

#### **- Bên Nợ:**

- + Số thuế TGTG phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

#### **- Bên Có:**

- + Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- + Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- + Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- + Lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động kinh doanh.
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- + Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- + K/c hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản(giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư.
- + Doanh thu hoạt động tài chính khác.

### **TK 515 không có số dư cuối kỳ**

#### **.1.4.2.2. Tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính:**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán; chi phí lãi vay, vốn kinh doanh các khoản dài hạn và ngắn hạn; chi phí hoạt động liên doanh; chi phí cho vay vốn ngắn hạn và dài hạn;.....

### **TK 635 - Chi phí hoạt động tài chính**

#### **- Bên Nợ:**

- + Các khoản chi phí hoạt động tài chính;
- + Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn;
- + Các khoản lỗ chênh lệch về tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế trong kỳ;
- + Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ;
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

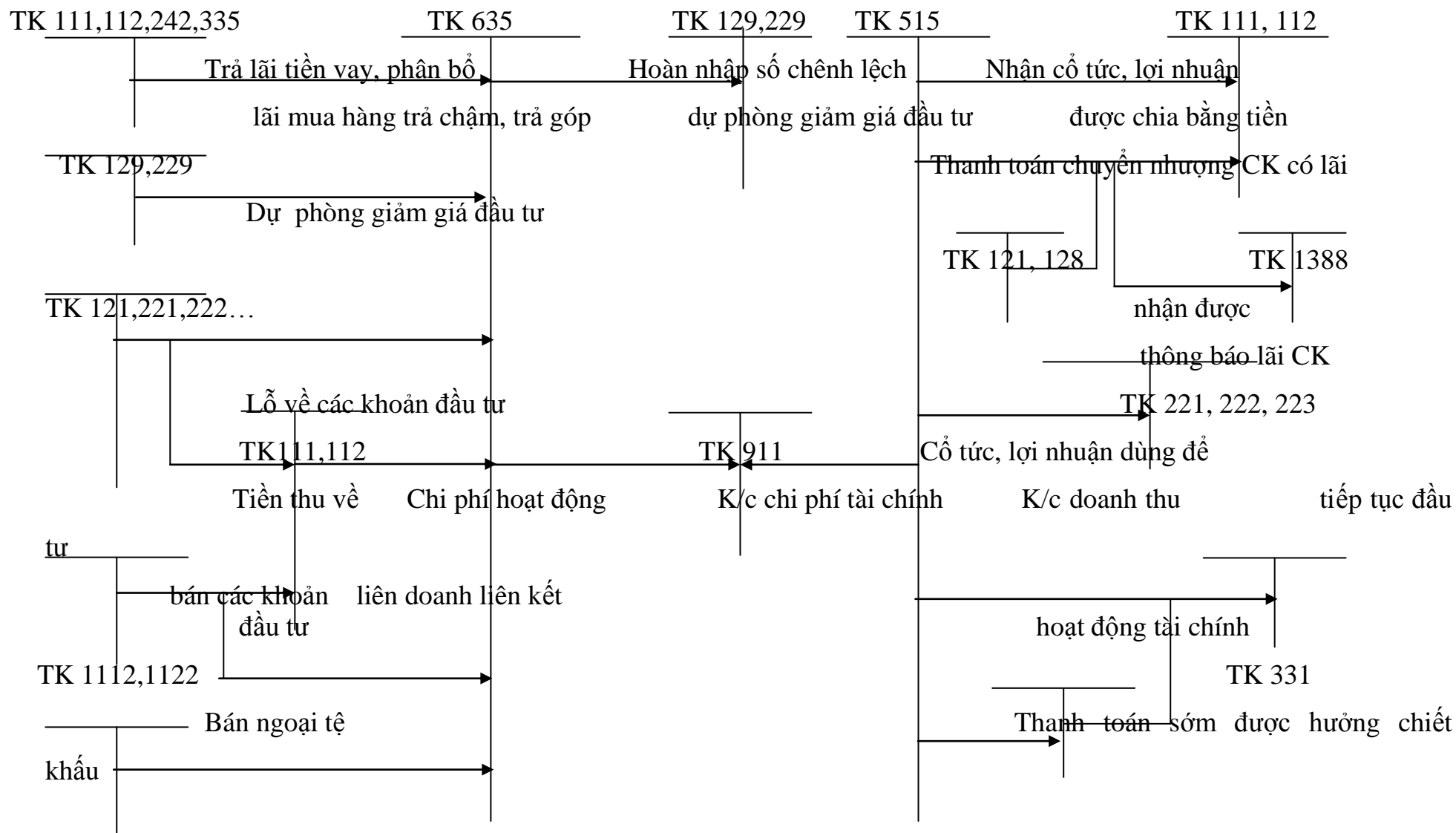
**- Bên Có:**

+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán:

+ Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

***TK 635 không có số dư cuối kỳ***

**Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán doanh thu và chi phí tài chính:**



(Lỗi về bán ngoại tệ)

TK 111, 112

TK 413

Lãi thu

K/c lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại  
các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối kỳ

định kỳ

### **1.4.3. Tổ chức kế toán doanh thu và chi phí hoạt động khác trong doanh nghiệp.**

#### **1.4.3.1. Tổ chức kế toán thu nhập khác**

Thu nhập hoạt động khác là khoản tiền thu được góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ những hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng,...

**Tài khoản sử dụng: TK 711 - Thu nhập khác**

**- Bên Nợ:**

- + Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có) ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- + Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ sang tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

**- Bên Có:**

- + Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

**TK 711 không có số dư cuối kỳ**

#### **1.4.3.2. Tổ chức kế toán chi phí khác**

Chi phí hoạt động khác bao gồm các khoản chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh như: Chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng...và các khoản chi phí khác bằng tiền.

**Tài khoản sử dụng: TK 811 - Chi phí khác**

**- Bên Nợ:**

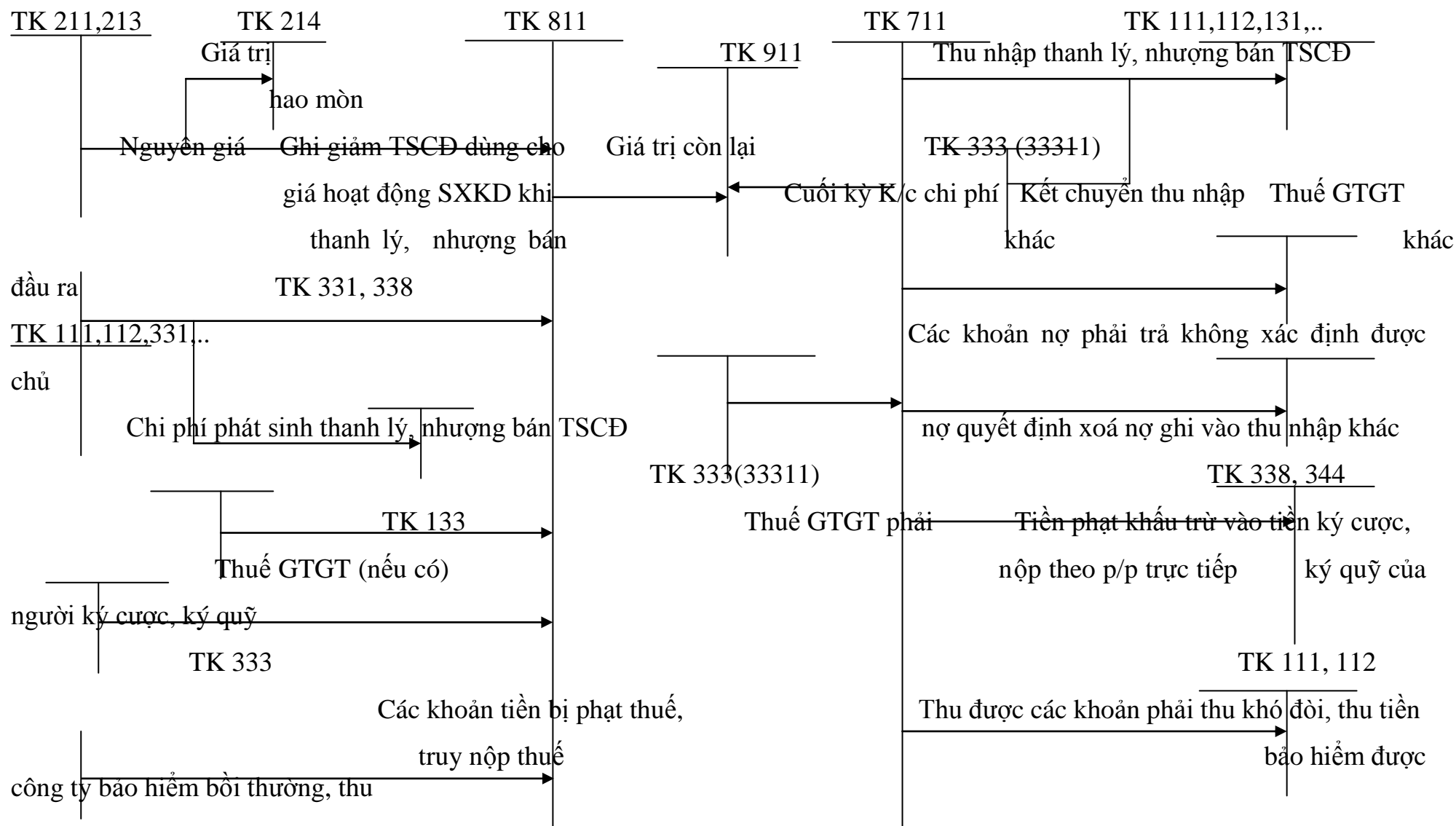
- + Các khoản chi phí khác phát sinh

**- Bên Có:**

- + Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

**TK 811 không có số dư cuối kỳ**

**Sơ đồ 1.12. Sơ đồ hạch toán thu nhập và chi phí khác:**





TK 111,112,...

Các khoản tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế  
hoặc vi phạm pháp luật

tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, các  
khoản thưởng của khách hàng không tính  
trong doanh thu

TK 152, 156, 211,...

Được tài trợ, biếu, tặng vật tư, hàng hoá,

TK 111,112,141..

TSCĐ

Các khoản chi phí khác phát sinh, như chi phí khắc phục  
tổn thất do gặp rủi ro trong kinh doanh, chi phí thu hồi nợ..

#### **1.4.4. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

**Tài khoản sử dụng: TK 821 - Chi phí thuế TNDN**

**TK 911- Xác định kết quả kinh doanh**

**TK 821- Chi phí thuế TNDN**

***Bên Nợ:***

- + Chi phí thuế TNDN hiện hành PS trong năm;
- + Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót trọng yếu;
- + Chi phí thuế TNDN hoãn lại PS trong năm từ việc ghi nhận thuế TN hoãn lại phải trả;
- + Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại;
- + Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh Có TK 8212 lớn hơn số PS bên Nợ TK 8212 vào bên Có TK 911

***Bên Có:***

- + Số thuế TNDNHH thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào CF Thuế TNDNHH đã ghi nhận trong năm
- + Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm CF Thuế TNDNHH trong năm hiện tại
- + Kết chuyển CF thuế TNDNHH vào bên Nợ TK 911-“Xác định kết quả kinh doanh”

***TK 821 không có số dư cuối kỳ***

**TK 911- Xác định kết quả kinh doanh**

***Bên Nợ:***

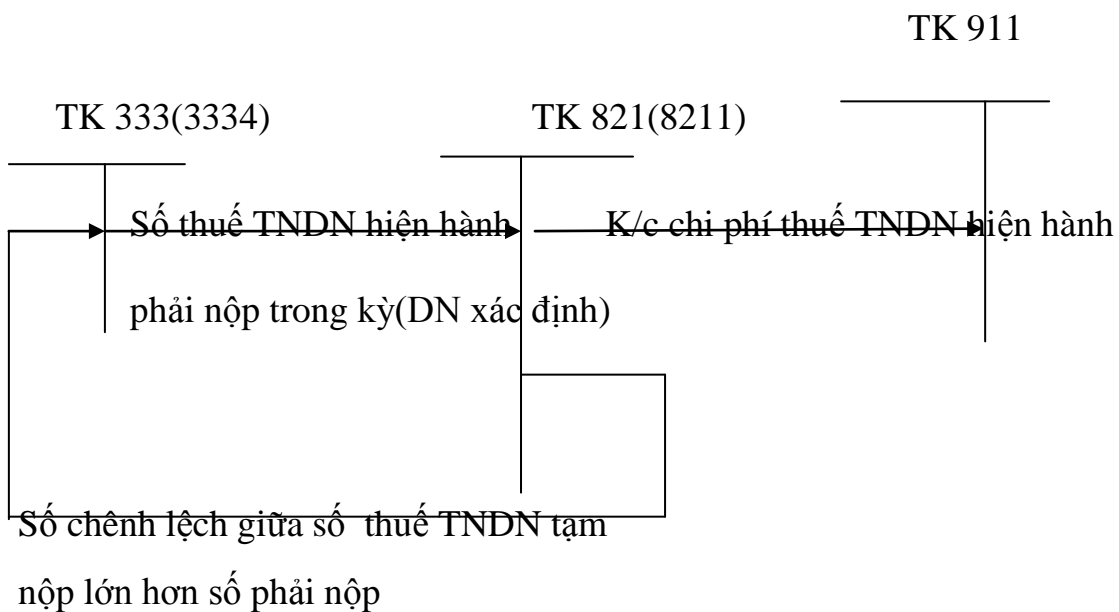
- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- + Chi phí tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác
- + Chi phí bán hàng và chi phí QLDN;
- + Kết chuyển lãi

***Bên Có:***

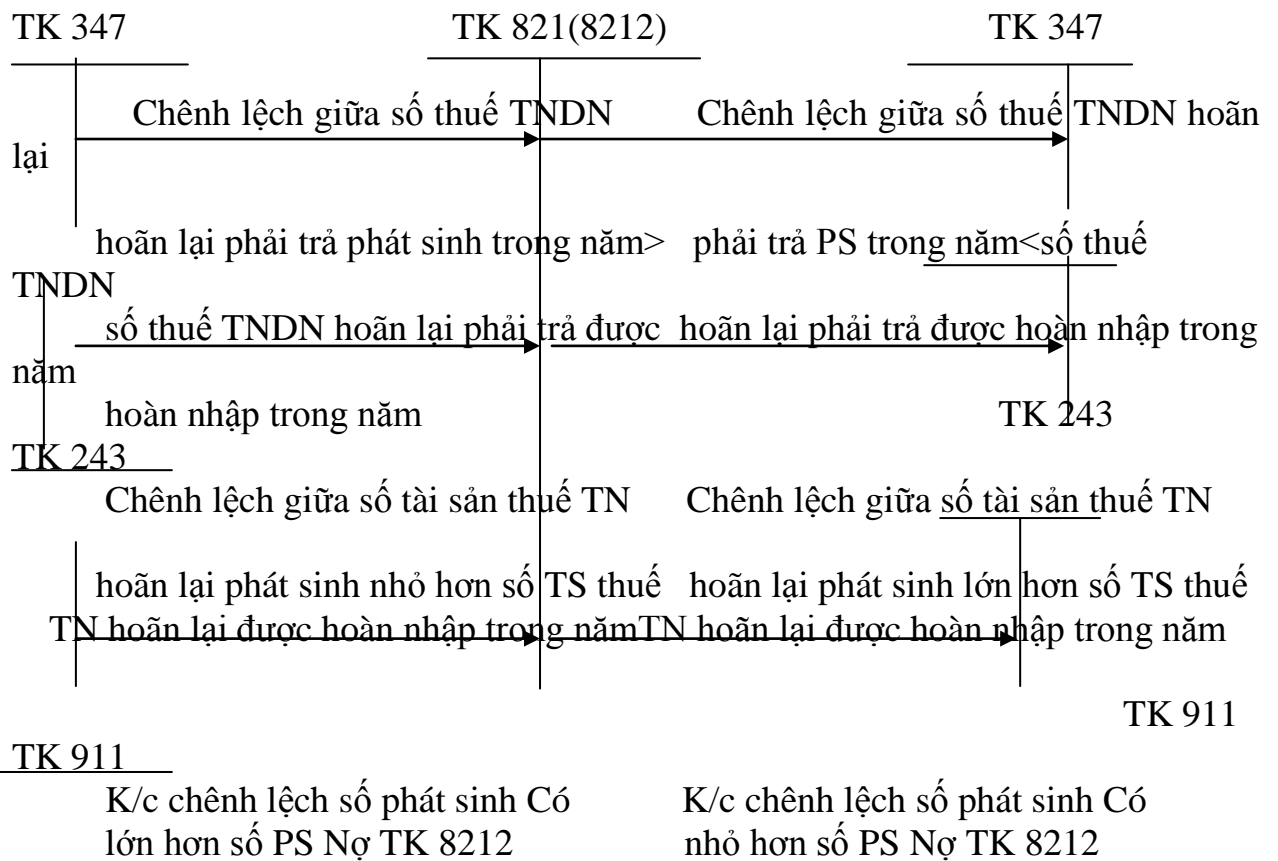
- + Doanh thu thuần về sản phẩm hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ và doanh thu thuần kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.
- + Doanh thu hoạt động tài chính
- + Thu nhập khác
- + Lãi về các hoạt động trong kỳ

***TK 911 không có số dư cuối kỳ***

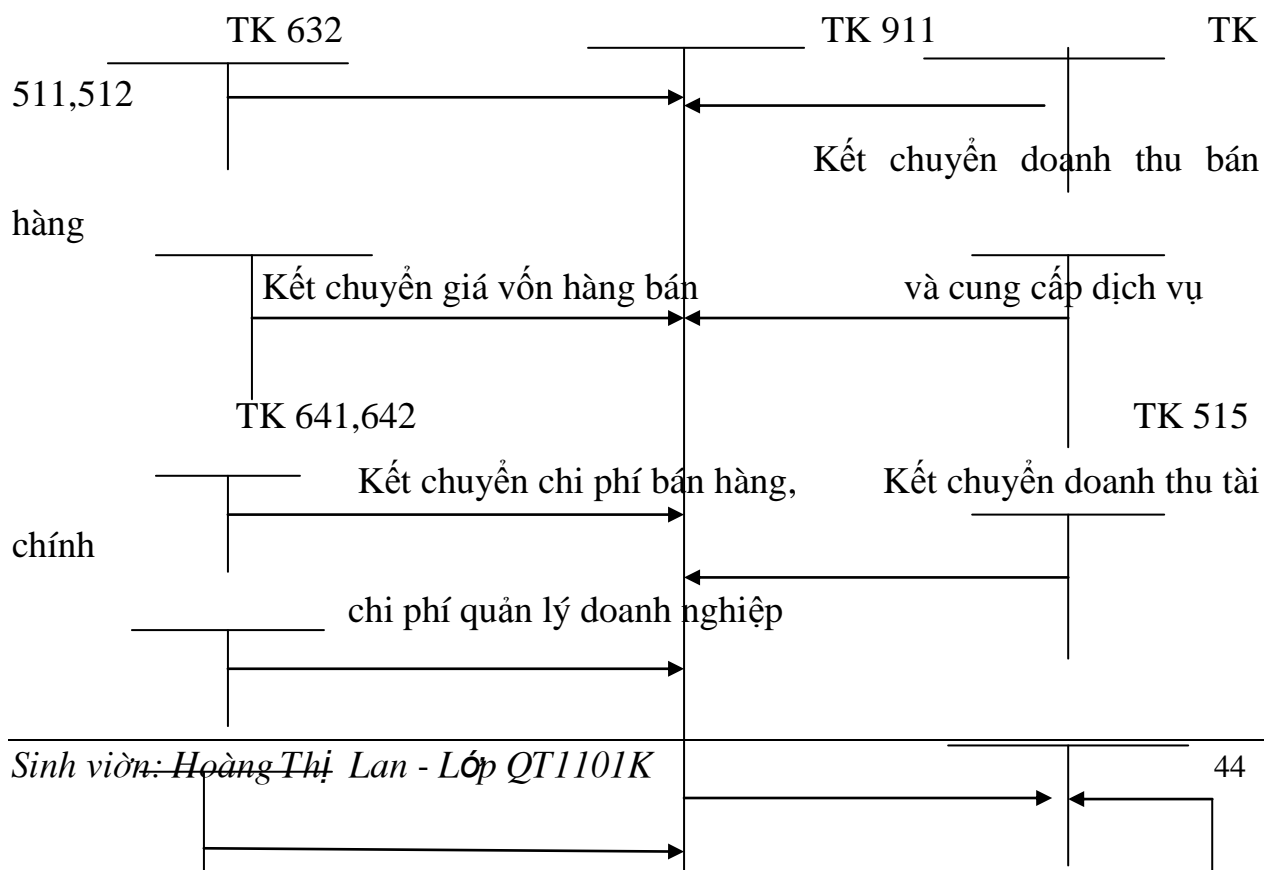
**Sơ đồ 1.13: Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành**



Sơ đồ 1.14: Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại



Sơ đồ 1.15: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



TK 635

Kết chuyển chi phí tài chính

TK 711

Kết chuyển thu nhập khác

TK 811

Kết chuyển chi phí khác

TK 421

TK 821

K/c chi phí thuế TNDN

Kết chuyển lỗ

Kết chuyển

lãi

### 1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

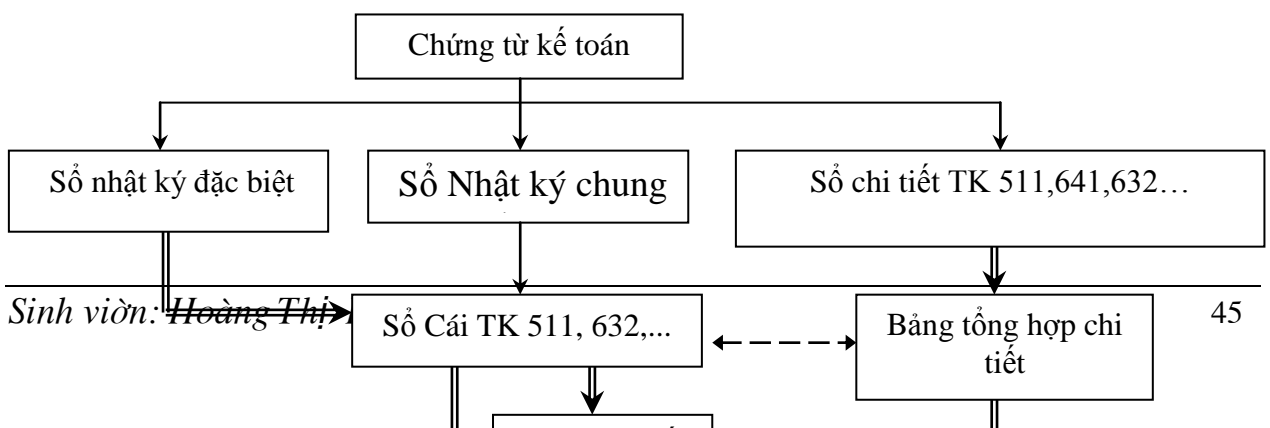
#### 1.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ NKC, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.

Các loại sổ chủ yếu:

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán NKC



***Ghi chú***

→ Ghi hàng ngày

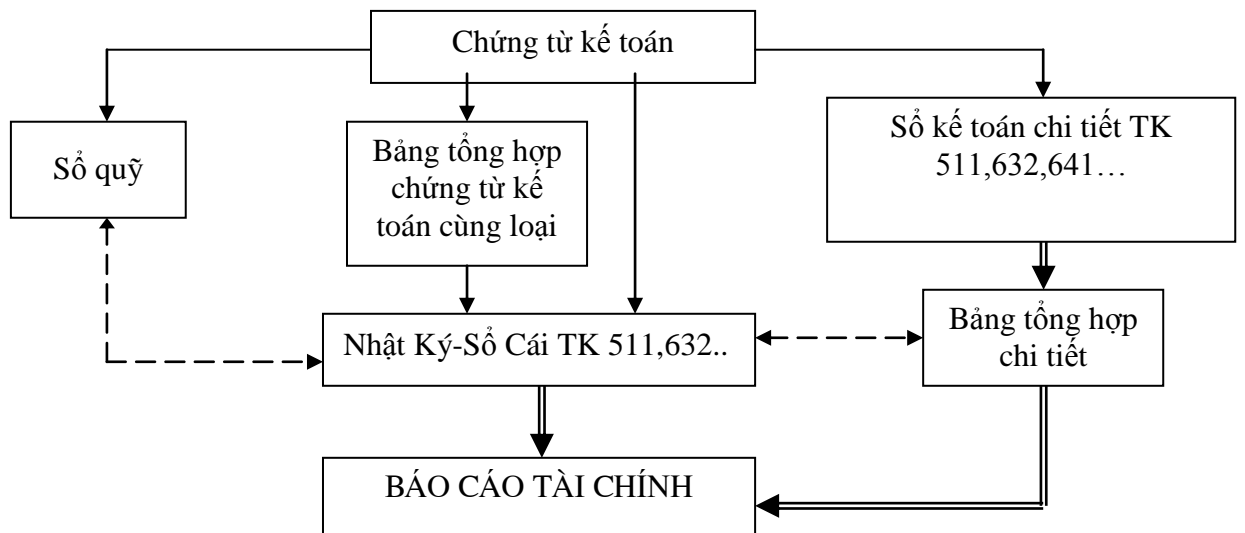
⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

↔ Đối chiếu, kiểm tra

**1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái.**

- Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế ( theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký-Sổ cái. Căn cứ vào sổ Nhật ký- Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.
- Các loại sổ chủ yếu:
  - Nhật ký, sổ cái
  - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

**Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái**

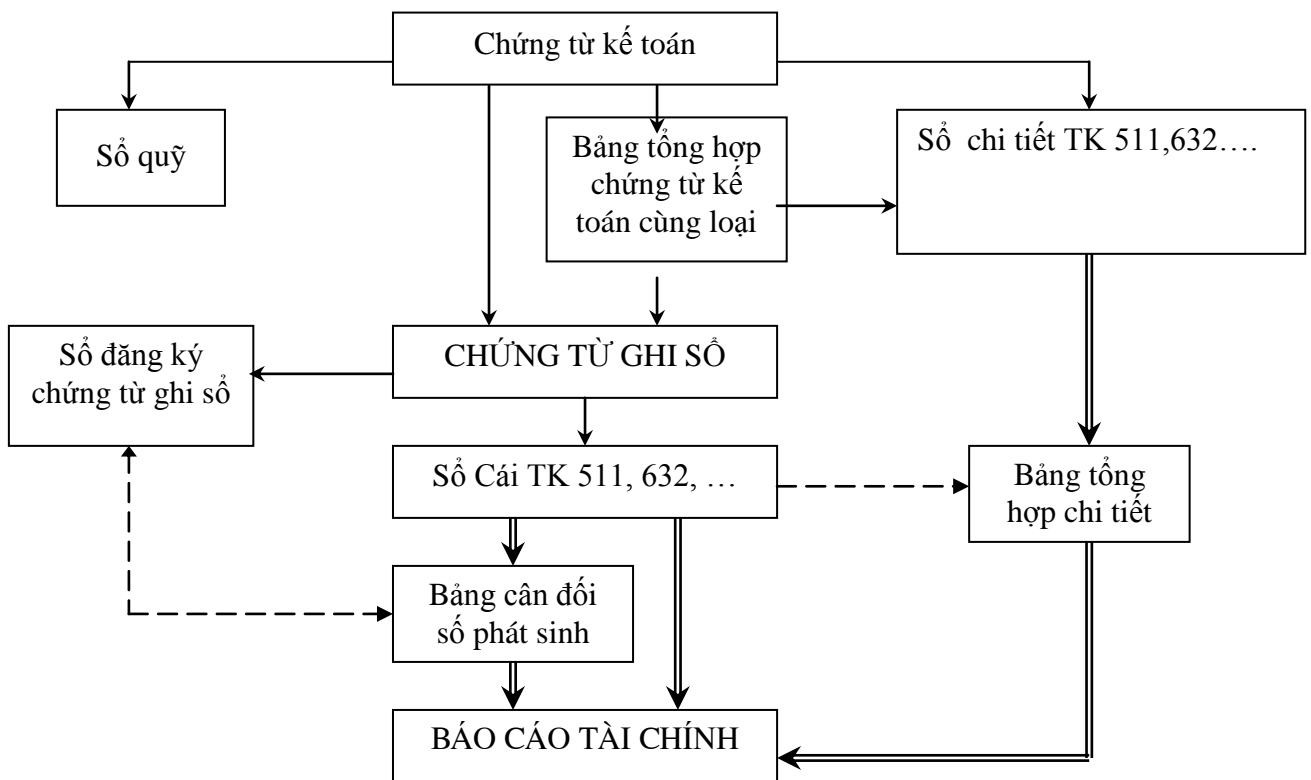


- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày ,
  - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
  - ↔ Đối chiếu, kiểm tra

**1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

- Đặc trưng cơ bản: Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”.
- Các loại sổ chủ yếu:
  - Chứng từ ghi sổ
  - Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
  - Sổ cái
  - Các sổ kế toán chi tiết

**Sơ đồ 1.18: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**



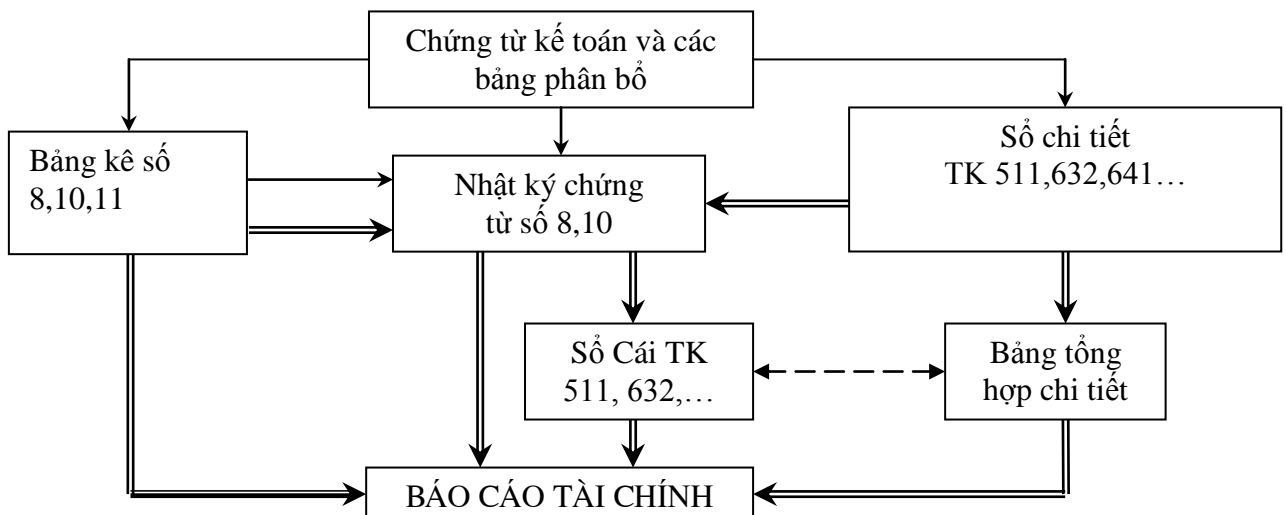
- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
  - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



### 1.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ

- Đặc trưng cơ bản: Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- Các loại sổ chủ yếu:
  - Nhật ký chứng từ
  - Bảng kê
  - Sổ cái
  - Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.19: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ

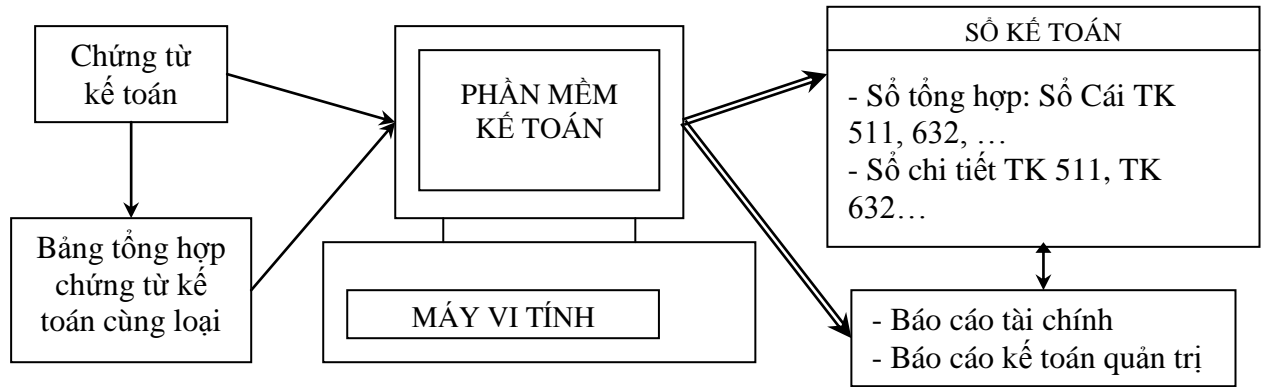


- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
  - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

### 1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

- Đặc trưng cơ bản: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên.
- Các loại sổ chủ yếu: Phần mềm kế toán được thiết lập theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức đó.

Sơ đồ 1.20: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính



**Ghi chú**

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

## CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY VẬN TẢI QUỐC TẾ NHẬT - VIỆT

### 2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY VẬN TẢI QUỐC TẾ NHẬT-VIỆT

#### 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật-Việt

- ❖ Tên công ty: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt
- ❖ Tên giao dịch quốc tế: Vietnam- Japan International Transport Co, Ltd
- ❖ Trực thuộc: Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam (Vinalines),
- ❖ Địa chỉ : Cảng Chùa Vẽ - Đường Ngô Quyền - Hải Phòng
- ❖ Điện thoại : (84.31)765316/765494/765126/765318
- ❖ Fax : (84.13)765130
- ❖ Mã số thuế : 0200114893
- ❖ Vốn điều lệ: 5.000.000USD

Logo của Công ty:



“Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt” được thành lập vào ngày 31/12/1994, với tên giao dịch quốc tế “Vietnam-Japan International Transport Co, Ltd”, viết tắt là VIJACO. Trụ sở chính đặt tại Cảng Chùa Vẽ - Đường Ngô Quyền - Hải Phòng, có tổng diện tích gần 15,000m<sup>2</sup>. Ngoài ra Công ty còn có một số văn phòng đại diện ở các tỉnh và thành phố khác trên lãnh thổ Việt Nam. VIJACO là một Công ty liên doanh trực thuộc Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam (Vinalines), có tư cách pháp nhân được tự chủ trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh và hạch toán độc lập.

Tổng kết sau hơn 10 năm xây dựng và phát triển Công ty luôn duy trì được tốc độ phát triển, doanh thu bình quân hàng năm tăng từ 7% - 10% đồng thời đảm bảo mức thu nhập bình quân năm sau cao hơn năm trước là 5%. Bên cạnh đó lãnh đạo doanh nghiệp không ngừng đẩy mạnh xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống quản lý và nhân lực hoàn chỉnh.

### **2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt.**

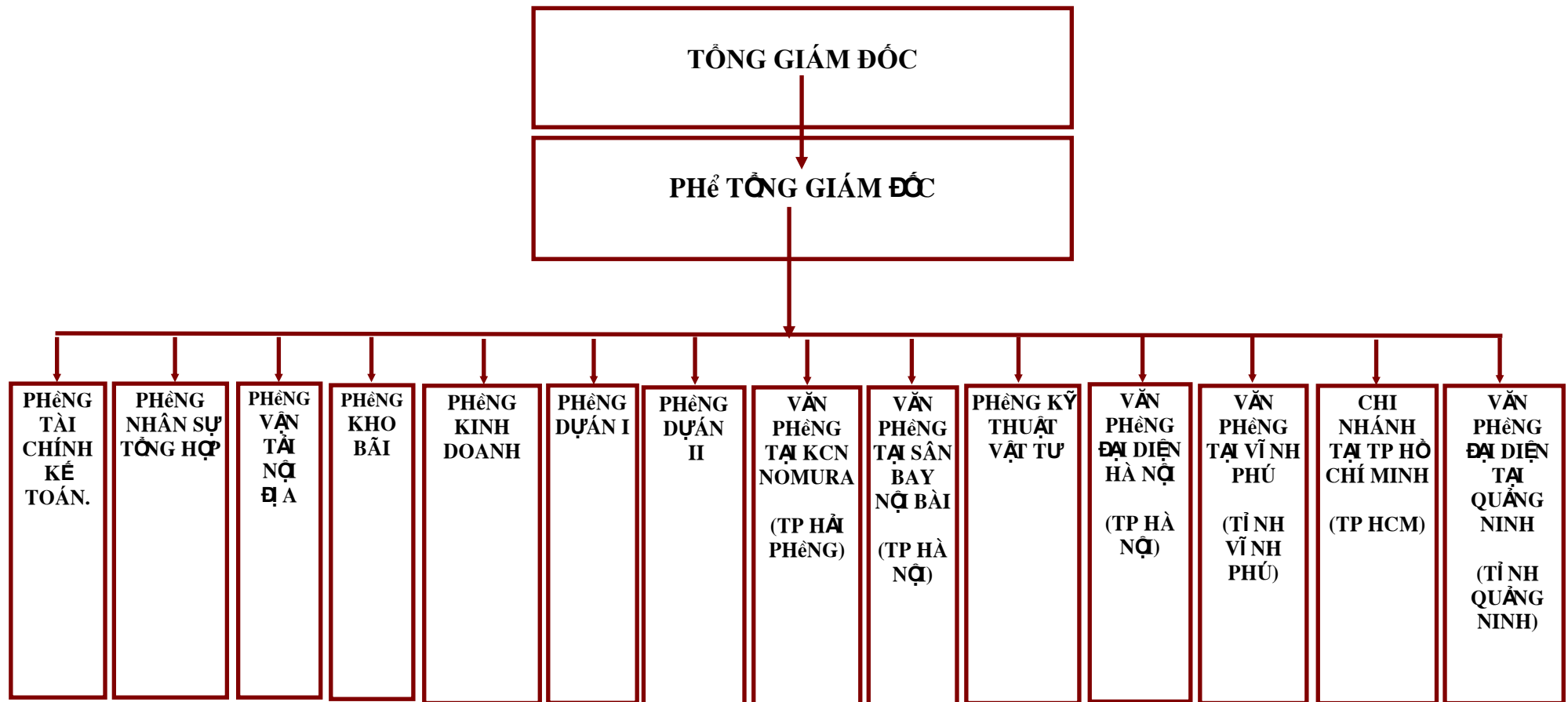
- Làm dịch vụ giao nhận hàng hóa, xuất nhập khẩu. Dịch vụ khai thuê hải quan. Môi giới vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường biển và đường không. Logistic.
- Đại lý Container, đại lý vận chuyển cho tàu container
- Vận chuyển hàng hóa trong container và các hàng hóa khác. Vận chuyển lắp đặt thiết bị máy móc tại các công trình
- Kinh doanh kho bãi container.
- Sửa chữa container và các thiết bị chuyên dùng.

Tại công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt nhiệm vụ kinh doanh chính của công ty là làm dịch vụ giao nhận hàng hóa, xuất nhập khẩu. Dịch vụ khai thuê hải

quan. Môi giới vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường biển và đường không. Logistic.

### **2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý của công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt**

**SƠ ĐỒ 2.1: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY VẬN TẢI QUỐC TẾ NHẬT VIỆT**



**Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận:**

**Tổng Giám Đốc**

- Đại diện cho Công ty trước các cơ quan nhà nước, Tòa án và với các bên thứ 3 về toàn bộ hoạt động có liên quan đến sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Quyết định chính sách và mục tiêu chất lượng của Công ty, quyết định chiến lược kinh doanh, quy mô và phạm vi thị trường cũng như kế hoạch đầu tư, phát triển của Công ty. Sắp xếp cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự, chỉ đạo điều hành mọi hoạt động của Công ty, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.

**Phó Tổng Giám Đốc**

- Tổ chức nghiên cứu các chính sách/qui định pháp luật và đề xuất/tham mưu cho Tổng Giám đốc về các thay đổi nhằm đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh luôn tuân thủ pháp luật.
- Tổ chức thực hiện và kiểm soát các hoạt động khác liên quan đến công ty hoặc/và theo sự phân công của Tổng Giám đốc.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về những vấn đề khác.

**Phòng Nhân sự - Tổng hợp**

- Chịu trách nhiệm trước BGD về việc tuyển dụng, duy trì, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực
- Thiết lập các chính sách về nguồn lực, căn cứ trên cơ sở quyết định sản xuất kinh doanh và định hướng của Công ty như:
  - ✓ Các chính sách về quyền hạn, trách nhiệm, quy chế hoạt động của các phòng, ban.
  - ✓ Các chính sách về quy chế tuyển dụng, về thời gian tập sự và bổ nhiệm
  - ✓ Các chính sách về chế độ tiền lương, phụ cấp, khen thưởng.
  - ✓ Các chính sách về đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên.

### **Phòng Tài chính – Kế toán**

- Theo dõi và tập hợp các số liệu về kết quả sản xuất, kinh doanh bằng nghiệp vụ kế toán; tham gia phân tích kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty theo từng kỳ tài chính từ đó đề ra các giải pháp tài chính phù hợp với chính sách kinh doanh của Công ty. Xác lập tính hiệu quả của hệ thống tài chính Công ty, theo dõi và lập sổ kế toán.

### **Phòng Kinh doanh**

- Xây dựng các hợp đồng kinh tế, gặp gỡ các bạn hàng để thu hút đơn đặt hàng.
- Nghiên cứu chiến lược kinh doanh và tổ chức công tác tiếp thị, nhằm duy trì và phát triển các dịch vụ phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

### **Phòng Dự án I**

- Chịu trách nhiệm trước BGD về việc thu thập đầy đủ, chính xác thông tin về tình hình chủ hàng, tình hình thực hiện các hợp đồng về xếp dỡ, làm hàng dự án và đại lý tàu, đại lý giao nhận hàng; các thông tin về công tác quản lý, duy trì và mở rộng phạm vi kinh doanh của Công ty.

### **Phòng Dự án II**

- Có nhiệm vụ làm biểu giá vận tải nội bộ, bốc xếp, kinh doanh kho bãi, hàng biển, hàng không và các dịch vụ có liên quan.
- Trực tiếp quan hệ giải quyết các khiếu nại của chủ hàng về các vụ liên quan đến chất lượng Công ty.

### **Phòng Kho - Bãi**

- Chịu trách nhiệm trước BGD Công ty về việc quản lý, khai thác thiết bị xếp dỡ, nhà kho, bãi; đảm bảo luôn hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Theo dõi quá trình thực hiện hợp đồng, kế hoạch và tham gia điều chỉnh hợp đồng, kế hoạch một cách hợp lý nhất trong phạm vi, nhiệm vụ được giao. Chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát các quy trình chất lượng thuộc phòng quản lý.

**Phòng Kỹ thuật – Vật tư**

- Chịu trách nhiệm trước BGD Công ty về các hoạt động mua sắm thiết bị, công cụ lao động, vật tư, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
- Theo dõi việc sử dụng, bảo dưỡng trang thiết bị, phương tiện và tiến hành tổ chức bảo dưỡng, sửa chữa, thiết bị phương tiện. Tổ chức thu thập thông tin, đánh giá và đề xuất lựa chọn nhà cung ứng, trình BGD quyết định nhà cung ứng.

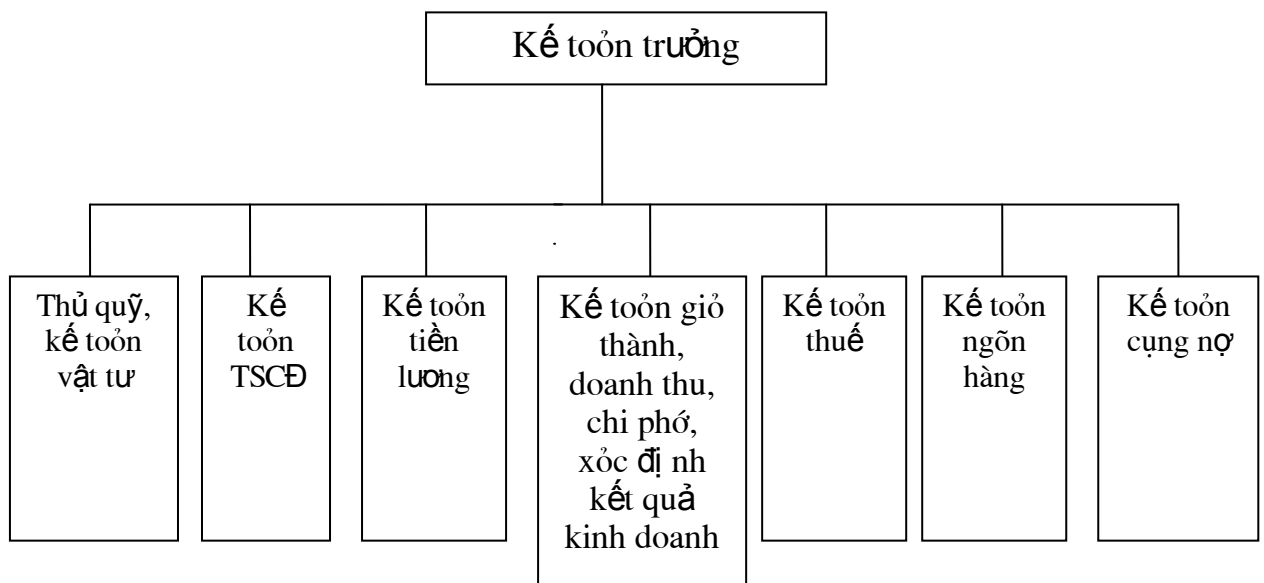
**Phòng Vận tải nội địa**

- Chịu trách nhiệm trước BGD Công ty về việc tổ chức quản lý, khai thác toàn bộ phương tiện vận chuyển đường bộ & bốc xếp bằng cầu trục; lập kế hoạch điều động khai thác phương tiện theo từng tuyến đường, trọng lượng, loại hàng hóa, phù hợp với đặc tính kỹ thuật của từng loại phương tiện, đảm bảo mang lại hiệu quả cao nhất...

**2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt**

**2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt**

**Sơ đồ 2.2:** Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt





❖ **Kế toán trưởng:**

- Là người tổ chức, kiểm tra công tác kế toán của công ty. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức bộ máy kế toán, phân công, kiểm tra và đánh giá chất lượng công tác của các nhân viên kế toán trong phòng, thông qua và ký duyệt tất cả các chứng từ thu, chi cũng như các báo cáo kế toán, hợp đồng kinh tế.
- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về tình hình tài chính của công ty.
- Lập báo cáo tài chính định kỳ tại Công ty

❖ **Thủ quỹ, kế toán vật tư:**

- Thông kê số lượng vật tư nhập xuất tồn.
- Kiểm tra đối chiếu từng loại vật tư, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện mức tiêu hao nguyên liệu.
- Bảo quản quỹ tiền mặt, theo dõi tình hình biến động của tiền mặt tại công ty

❖ **Kế toán TSCĐ:**

- Mở sổ theo dõi các loại TSCĐ huy động vào sản xuất, tài sản không dùng và tài sản đề nghị thanh lý, lập báo cáo kiểm kê, xác định từng chủng loại tài sản, theo dõi việc sửa chữa lớn TSCĐ, xác định tỉ lệ khấu hao, lập báo cáo thống kê theo định kì việc sửa chữa lớn và duy tu.

❖ **Kế toán Giá thành, Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:**

- Ghi chép cập nhật, phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ mọi giá trị tài sản, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ của Công ty,
- Lập báo cáo giá thành,
- Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ tại Công ty.

❖ **Kế toán tiền lương:**

- Làm nhiệm vụ tính toán tiền lương bao gồm lương và các khoản phụ cấp mang tính chất lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty theo quy định chung và hàng tháng tính các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN).

❖ **Kế toán thuế:**

- Chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, quyết toán toàn bộ các khoản thuế trong Công ty (Thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN....) theo đúng thời hạn quy định đối với Nhà Nước.
- Cập nhật, nghiên cứu, phản ánh kịp thời chính sách thuế mới.

❖ **Kế toán ngân hàng:**

- Thực hiện giao dịch qua ngân hàng có liên quan đến các nghiệp vụ thanh toán chuyển tiền, thanh toán bằng chuyển khoản, vay vốn ngân hàng...
- Theo dõi các khoản thu, chi, tình hình biến động của các khoản tiền gửi của công ty tại Ngân hàng

❖ **Kế toán công nợ:**

- Theo dõi tình hình thanh toán của công ty đối với khách hàng và tình hình thu hồi nợ của công ty đối với các hợp đồng kinh tế.

**2.1.4.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật- Việt**

***Chính sách kế toán áp dụng tại công ty:***

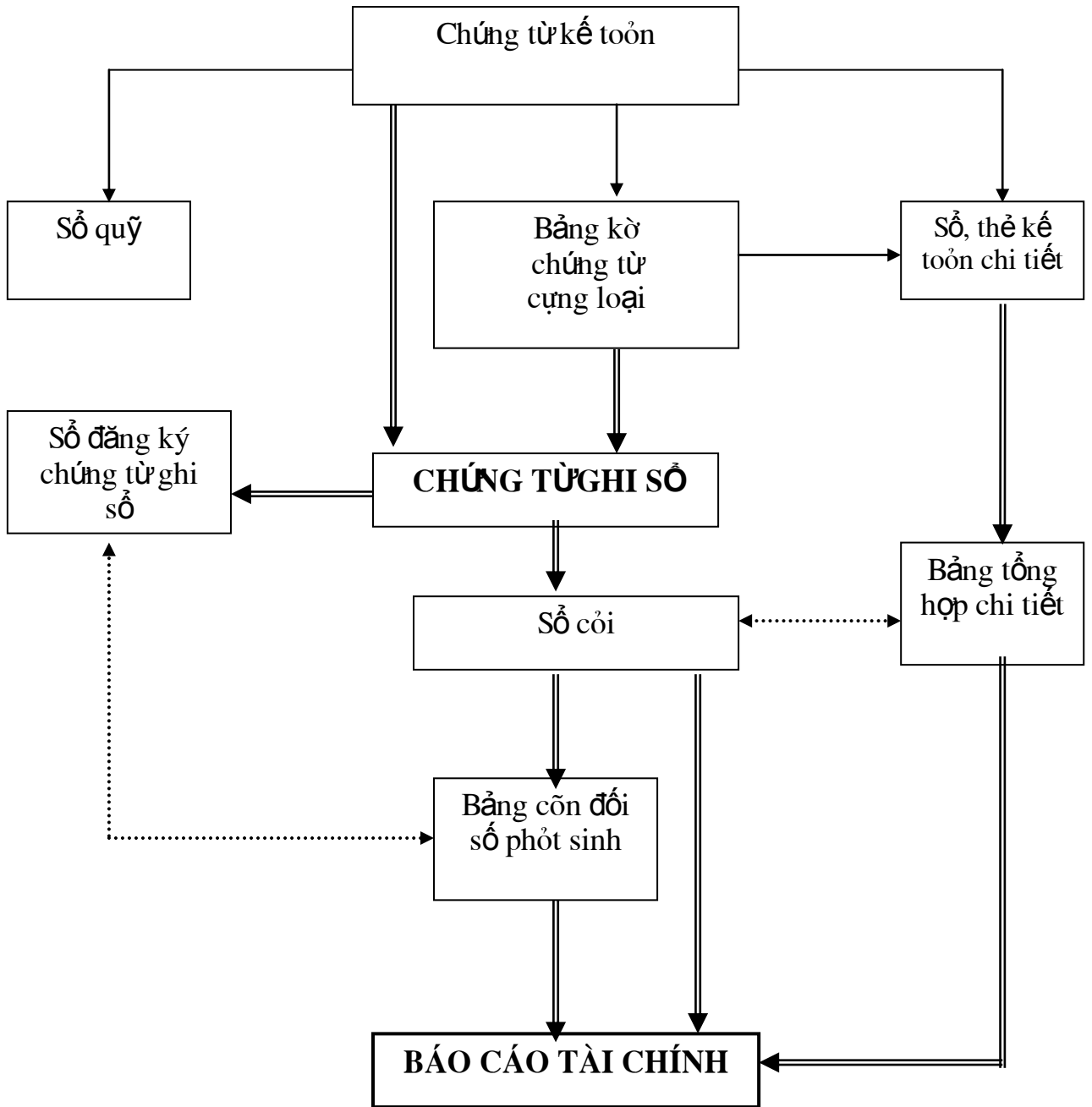
- Niên độ kế toán: niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12 hàng năm.
- Báo cáo tài chính của công ty được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước - xuất trước
- Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ
- Phương pháp kế toán TSCĐ:
  - TSCĐ được ghi sổ theo nguyên giá và hao mòn lũy kế
  - Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng.

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ tài chính.

**Hình thức kế toán áp dụng:**

- Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ để ghi chép và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**Sơ đồ 2.3:** Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



**Ghi chú** → Ghi hàng ngày

⇒ Ghi định kỳ

↔ Đối chiếu, kiểm tra

***Trình tự ghi sổ:***

- Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ để ghi vào bảng kê chứng từ cùng loại. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ ghi vào chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.
- Cuối tháng, căn cứ vào bảng kê chứng từ cùng loại để ghi vào chứng từ ghi sổ.
- Cuối tháng, căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó ghi vào Sổ cái.
- Cuối năm căn cứ vào Sổ cái để lập vào Bảng cân đối số phát sinh.
- Cuối năm đối chiếu, khớp đúng số liệu ghi trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ với Bảng cân đối số phát sinh, số liệu trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

## **2.2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY VẬN TẢI QUỐC TẾ NHẬT VIỆT**

### **2.2.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán**

❖ Hình thức thanh toán:

- Tiền mặt
- Chuyển khoản
- Việc cho khách hàng nợ chỉ áp dụng với các khách hàng lâu năm, khách hàng thường xuyên.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT, phiếu thu, Giấy báo Có.

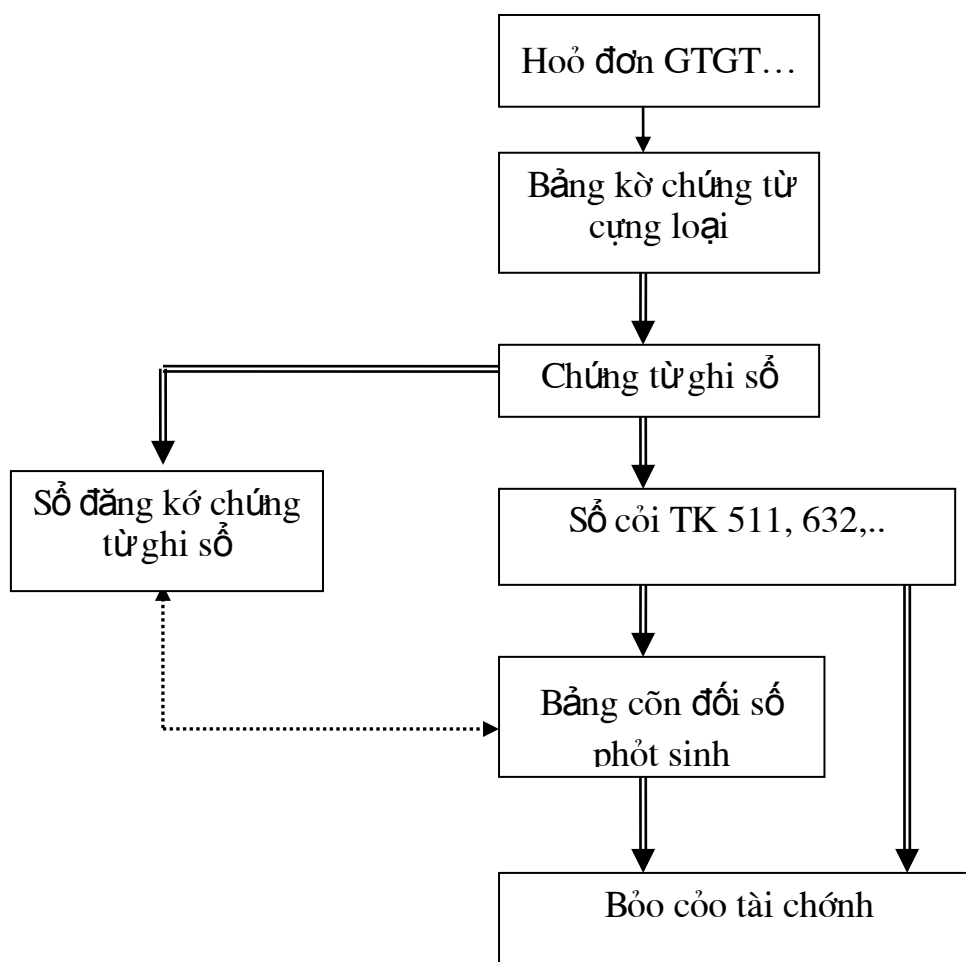
❖ Tài khoản sử dụng:

TK 511 , TK 632

❖ Sổ sách sử dụng:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 511, TK 632
- Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ

**Sơ đồ 2.4:** Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn tại công ty vận tải quốc tế Nhật Việt.



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi định kỳ
  - ↔ Đối chiếu, kiểm tra

**Ví dụ 2.1:**

Ngày 5/12/2010 phát sinh nghiệp vụ: Tính cước xếp dỡ tinh bột tàu Quang Vinh 08 của Công ty TNHH vận tải biển Quang Vinh, chưa thu tiền.

***Quy trình hạch toán:***

- Kế toán lập HD GTGT số 72509. Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, kế toán lập Bảng kê chứng từ cùng loại. Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại lập chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Sổ cái TK 511.
- Kế toán tính được giá vốn cho hợp đồng trên là: 11,900,000. Kế toán lập Bảng kê chứng từ cùng loại. Cuối tháng, kế toán căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại lập chứng từ ghi sổ. Từ Chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Sổ cái TK 632.

<b>HÓA ĐƠN</b>	Mẫu số: 01GTKT- 3LL
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>	KS/2010B
Liên 3: Nội bộ	<b>0072509</b>
Ngày 05 tháng 12 năm 2010	

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

Đơn vị bán hàng: CTY Vận Tải Quốc Tế Nhật-Việt  
 Địa chỉ: Cảng Chùa Vẽ- Đường Ngô Quyền -Hải Phòng  
 Số tài khoản: .....  
 Điện thoại: .....MST: 0200114893

Họ tên người mua:  
 Tên đơn vị: Công ty TNHH vận tải biển Quang Vinh  
 Địa chỉ: TT Xuân Trường- Xuân Trường- Nam Định  
 Số tài khoản: .....  
 Hình thức thanh toán:..... MS: 0600326349

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Tiền cước xếp dỡ tinh bột tàu Quang Vinh 08	Tấn	900	21,000	18,900,000

Cộng tiền hàng:		18,900,000
Thuế suất GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT:	1,890,000
	Tổng cộng tiền thanh toán:	20,790,000
Số tiền viết bằng chữ:	Hai mươi triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng chẵn.	

Người mua hàng (Ký, họ tên)	Người bán hàng (Ký, họ tên)	Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
<i>( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)</i>		

**Biểu số 2.1.2**

Đơn vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt

Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi Nợ TK 131

Tháng 12 Số : 312

<b>Chứng từ</b>		<b>Diễn giải</b>	<b>Tổng số tiền ghi Nợ TK131</b>	<b>Có các TK đối ứng</b>	
<b>Ngày tháng</b>	<b>Số hiệu</b>			<b>511</b>	<b>3331</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....
05/12	72509	Xếp dỡ hàng hóa cho Công ty TNHH vận tải biển Quang Vinh	20.790.000	18.900.000	1.890.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	72580	Xếp dỡ hàng hóa cho Công ty TNHH TMDV VT Hoa Kỳ	157.080.000	142.800.000	14.280.000
31/12	72581	Xếp dỡ hàng hóa cho Công ty TNHH VT Hồng Ngọc Sài Gòn	99.000.000	90.000.000	9.000.000
31/12	72582	Xếp dỡ hàng hóa cho Công ty TM Bạch Long	16.500.000	15.000.000	1.500.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Tổng cộng</b>	1.177.000.000	1.070.000.000	107.000.000

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)



**Biểu 2.1.3:**

Đơn vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt  
Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

**Mẫu số: S02a-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số : 312

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT:đồng

Trích yếu	Số hiệuTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Doanh thu xếp dỡ hàng hóa	131	511	1,070,000,000
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	131	3331	107,000,000
<b>Cộng</b>			<b>1,177,000,000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Người ghi sổ*  
(Ký, họ tên)

*Kế Toán Trưởng*  
(Ký, họ tên)



**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 2.1.4:**

Đơn vị: Công ty Vận tải Quốc Tế Nhật Việt

Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi Nợ TK 632

Tháng 12 Số : 314

Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền ghi Nợ TK 632	Ghi có các TKĐU'
Ngày tháng	Số hiệu			154
.....	.....	.....	.....	.....
05/12	72509	Giá vốn xếp dỡ hàng hoá cho công ty TNHH vận tải biển Quang Vinh	11,910,000	11,910,000
.....	.....	.....	.....	.....
31/12	72580	Giá vốn xếp dỡ hàng hoá cho công ty TNHH TMDV VT Hoa Kỳ	92,820,000	92,820,000
31/12	72581	Giá vốn xếp dỡ hàng hoá cho công ty TNHH VT Hồng Ngọc SG	58,500,000	58,500,000
31/12	72582	Giá vốn xếp dỡ hàng hoá cho công ty TM Bạch Long	9,750,000	9,750,000
.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Tổng cộng</b>	<b>1,750,733,400</b>	<b>1,750,733,400</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

### **Biểu số 2.1.5:**

Đơn vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt  
Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S02a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số : 314

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT:đồng

Trích yếu	Số hiệuTK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Giá vốn	632	154	1,750,733,400	
Cộng			1,750,733,400	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Người ghi sổ*

(Ký, họ tên)

*Kế Toán Trưởng*

(Ký, họ tên)

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 2.1.6:**

Đơn vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt  
Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S02b –DN  
(Ban hành theo QĐ số :  
15/2006/QĐ/BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ**  
Từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2010

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		
.....	.....	.....	.....
308	31/12/2010	Ghi Nợ TK 111	2,256,343,895
309	31/12/2010	Ghi Có TK 111	1,527,413,602
310	31/12/2010	Ghi Nợ TK 112	1,755,863,427
311	31/12/2010	Ghi Có TK 112	1,125,990,910
312	31/12/2010	Ghi Nợ TK 131	1,177,000,000
.....	.....	.....	.....
314	31/12/2010	Ghi Nợ TK 632	1,750,733,400
315	31/12/2010	Ghi Nợ TK 642	375,824,875
...	....	.....	.....
319	31/12/2010	Ghi Nợ TK 811	2,560,777
....	.....	....	.....
332	31/12/2010	Ghi Nợ TK 821	1,107,746,113
333	31/12/2010	Ghi Nợ TK 911	33,388,603,889
334	31/12/2010	Ghi Có TK 911	33,388,603,889
		Tổng cộng	419,601,391,048

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Giám đốc  
(Ký, họ tên)



**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 2.1.7:**

Đơn vị: Công ty Vận tải Quốc Tế Nhật Việt  
Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S02c1-DN  
(Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ/BTC  
ngày 20/032006 của Bộ Trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  
Từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2010

Số dư đầu kỳ:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	...	.....	.....
31/12/2010	312	31/12/2010	Doanh thu chưa thu tiền	131		1,070,000,000
31/12/2010	310	31/12/2010	Doanh thu thu bằng TGNH	112		649,375,000
31/12/2010	308	31/12/2010	Doanh thu thu bằng tiền mặt	111		974,061,000
31/12/2010	334	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu thuần	911	32,321,236,431	
			<b>Cộng</b>		<b>32,321,236,431</b>	<b>32,321,236,431</b>

Số dư cuối kỳ:

**Người ghi sổ**

( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 2.1.8:**

Đơn vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt  
Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S02c1 –DN  
(Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ/BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán  
Từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2010

Số dư đầu kỳ:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/2010	314	31/12/2010	Trị giá vốn dịch vụ	154	1,750,733,400	
31/12/2010	333	31/12/2010	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		24,387,030,504
			Cộng		24,387,030,504	24,387,030,504

Số dư cuối kỳ:

**Người ghi sổ**

( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)



### 2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

✓ **Nội dung:**

Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao tài sản cố định, các khoản thuế, phí, lệ phí, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

✓ **Tài khoản sử dụng:** TK642

Các tài khoản cấp 2:

- TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425 - Thuế phí, lệ phí...
- TK 6426 – Chi phí bảo hiểm phương tiện
- TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428 - Chi phí bằng tiền khác

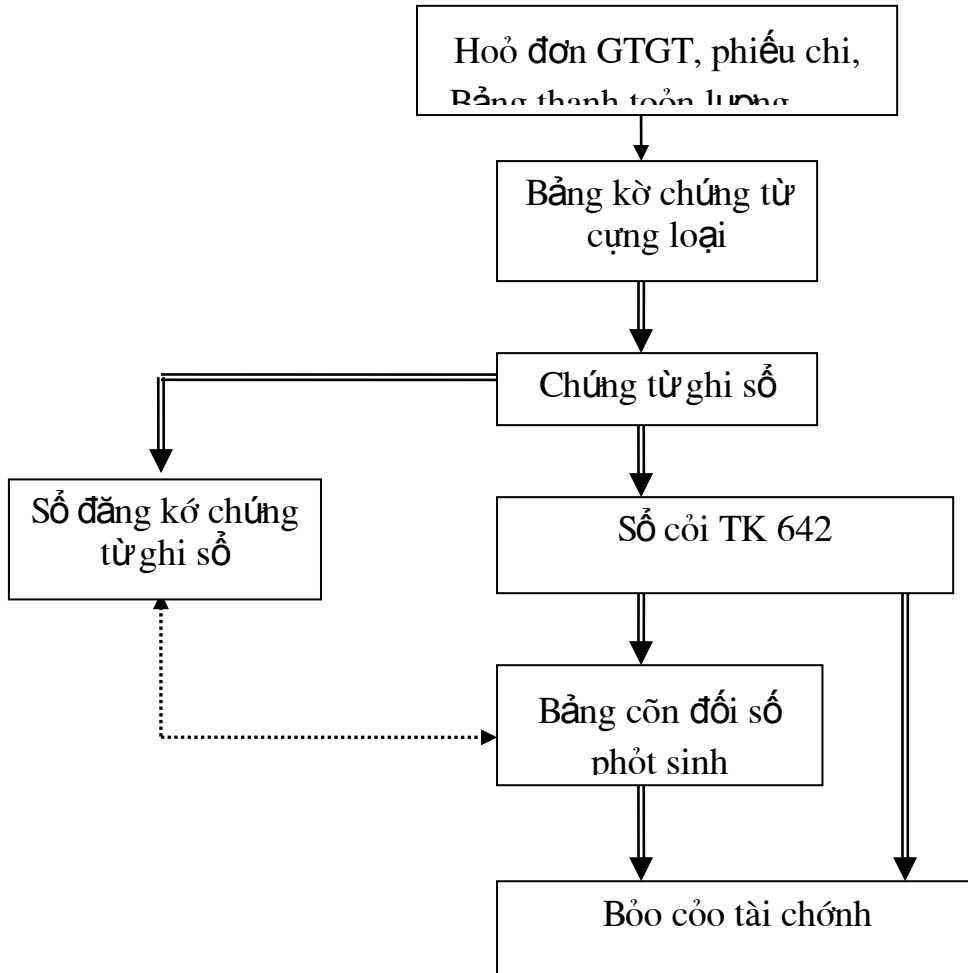
✓ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi, Hoá đơn GTGT...
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng thanh toán lương

✓ **Sổ kế toán sử dụng:**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 642...

**Sơ đồ 2.5:** Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty vận tải quốc tế Nhật Việt.



**Ghi chú**

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

**Ví dụ 2.2:**

Ngày 25/12/2010 Công ty thanh toán tiền cước điện thoại tại bộ phận quản lý doanh nghiệp tháng 12/2010 bằng tiền mặt theo Hóa đơn GTGT số 0437479.

**Quy trình hạch toán:**

Kê toán căn cứ vào hoá đơn số GTGT 0437479 ghi vào phiếu chi số 210. Căn cứ vào Phiếu chi 210 ghi vào Bảng kê chứng từ cùng loại. Cuối tháng, Căn cứ vào bảng kê chứng từ cùng loại kê toán ghi vào chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ kê toán ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 642.

**Biểu 2.2.1:**

**HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)  
TELECOMMUNICAITION SERVICE INVOICE  
(VAT)**

Liên 2: Giao cho khách hàng ( Customer)

*Mẫu số: 01GTKT-  
2LN-03*

*Ký hiệu (Serial No):  
AC/2010T*

*Số (No): 437479*

Mã số:

0	2	0	0	2	8	7	9	7	7	0	0	2	
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--

TT dịch vụ Khách Hàng – VTHP- Số 4 Lạch Tray

Tên khách hàng (Customer's name):

*Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt*

Mã số:

0	2	0	0	1	1	4	8	9	3				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

Địa chỉ: *Số 2, Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Đông Hải, Hải An, Hải Phòng*

Số điện thoại (Tel): *3765316* Mã số (code): *HPG-03-431085(T6DHK3)*

Hình thức thanh toán (Kind of Payment): *TM/CK*

<b>DỊCH VỤ SỬ DỤNG ( KIND OF SERVICE)</b>	<b>THÀNH TIỀN ( AMOUNT) VND</b>
<b>KỶ HÓA ĐƠN THÁNG 12/2010</b>	
a. Cước dịch vụ viễn thông	698,496
b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế	0
c. Chiết khấu + Đa dịch vụ	0
d. Khuyến mại	0
e. Trừ đặt cọc + Trích thưởng + Nợ cũ	0
(a+b+c+d) <b>Cộng</b>	698,496
<b>tiền dịch vụ (Total) (1):</b>	
<b>Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%<math>\times</math>(1) =</b> <b>Tiền thuế</b>	69,849
<b>GTGT (VAT amount) (2):</b>	

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

(1+2+e)	<b>Tổng cộng tiền thanh</b>	768,345
<b>toán (Grand total) (1+2):</b>		

Số tiền viết bằng chữ (In words): **Bảy trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi năm đồng**

**Ngày 25 tháng 12 năm 2010**

Người nộp tiền ký  
(Signature of payer)

Nhân viên giao dịch ký  
(Signature of dealing staff)

<b>Biểu 2.2.2:</b> Đơn vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng	Mẫu số: 02 –TT (Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ/BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)
<b>PHIẾU CHI</b> Ngày 05 tháng 12 năm 2010 Số : 210	
	Nợ TK 6427 : 698,496 Nợ TK 133 : 69,849 Cố TK 1111 : 768,345
<b>Người chi tiền:</b> Nguyễn Thị Linh.....	
<b>Địa chỉ</b> : Phòng kế toán.....	
<b>Lý do chi</b> : Thanh toán tiền cước điện thoại.....	
<b>Số tiền</b> : 768,345	
<b>Bằng chữ</b> : Bảy trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi năm đồng.	
<b>Kèm theo</b> : HD 437479.....Chứng từ gốc.	
	Ngày 25 tháng 12 năm 2010

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

<b>Thủ trưởng đơn vị</b> <i>(Ký, họ tên)</i>	<b>Kế toán trưởng</b> <i>(Ký, họ tên)</i>	<b>Người lập phiếu</b> <i>(Ký, họ tên)</i>	<b>Người nhận tiền</b> <i>(Ký, họ tên)</i>	<b>Thủ quỹ</b> <i>(Ký, họ tên)</i>
---	--	---	---	---------------------------------------

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 2.2.3:**

Đơn vị: Công ty Vận tải Quốc Tế Nhật Việt

Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi Nợ TK 642

Tháng 12 Số : 315

Chứng từ		Diễn giải	Tổng ST Ghi Nợ TK 642	Ghi Có TKĐƯ				
NT	SH			111	214	242	334	338
...	...	...	....	...	...	...	...	...
25/12/2010	PC 210	Thanh toán tiền cước điện thoại	698,496	698,496				
31/12/2010	BPBKH	Chi phí KHTSCĐ	32,160,695		32,160,695			
31/12/2010	BL T12	Lương nhân viên QLDN	261,924,000				261,924,000	
31/12/2010	BL T12	Phải trả, phải nộp khác	22,263,540					22,263,540
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Cộng</b>	375,824,875	31,025,740	32,160,695	28,450,900	261,924,000	22,263,540

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.2.4:**

Đơn vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt  
Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S02a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số : 315

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT:đồng

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
<b>Chi phí QLDN bằng tiền</b>	<b>642</b>	<b>111</b>	<b>31,025,740</b>
Chi phí KHTSCĐ	642	214	32,160,695
Lương nhân viên QLDN	642	334	261,924,000
Phải trả, phải nộp khác	642	338	22,263,540
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	642	242	28,450,900
Cộng			375,824,875

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Người ghi sổ*

(Ký, họ tên)

*Kế Toán Trưởng*

(Ký, họ tên)



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu số 2.2.5:**

Đơn vị: Công ty Vận Vải Quốc Tế Nhật Việt  
Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S02b –DN  
(Ban hành theo QĐ số :  
15/2006/QĐ/BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

### SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2010

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		
.....	.....	.....	.....
308	31/12/2010	Ghi Nợ TK 111	2,256,343,895
309	31/12/2010	Ghi Có TK 111	1,527,413,602
310	31/12/2010	Ghi Nợ TK 112	1,755,863,427
311	31/12/2010	Ghi Có TK 112	1,125,990,910
312	31/12/2010	Ghi Nợ TK 131	1,177,000,000
.....	.....	.....	.....
314	31/12/2010	Ghi Nợ TK 632	1,750,733,400
315	31/12/2010	Ghi Nợ TK 642	375,824,875
...	....	.....	.....
319	31/12/2010	Ghi Nợ TK 811	2,560,777
....	.....	....	.....
332	31/12/2010	Ghi Nợ TK 821	1,107,746,113
333	31/12/2010	Ghi Nợ TK 911	33,388,603,889
334	31/12/2010	Ghi Có TK 911	33,388,603,889
		Tổng cộng	419,601,391,048

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Giám đốc  
(Ký, họ tên)

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

### **Biểu 2.2.6:**

Đơn vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt  
Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S02c1 –DN  
(Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ/BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

### **SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp  
Từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2010

Số dư đầu kỳ:

NTGS	CTGS		Diễn giải	SHTKĐƯ	Số phát sinh	
	ST	NT			Nợ	Có
....	...	...	...	...	...	....
31/12/2010	315	31/12/2010	Chi phí QLDN bằng tiền	111	31,025,740	
31/12/2010	315	31/12/2010	Khấu hao TSCĐ	214	32,160,695	
31/12/2010	315	31/12/2010	Lương nhân viên QLDN	334	261,924,000	
31/12/2010	315	31/12/2010	Phải trả, phải nộp khác	338	22,263,540	
31/12/2010	315	31/12/2010	Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	242	28,450,900	
31/12/2010	333	31/12/2010	Kết chuyển chi phí QLDN	911		4,509,898,472
			Cộng		4,509,898,472	4,509,898,472

Số dư cuối kỳ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

### 2.2.3 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

#### 2.2.3.1. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính

➤ **Nội dung:**

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty vận tải quốc tế Nhật-Việt là lãi tiền gửi ngân hàng, chênh lệch tỷ giá hối đoái.

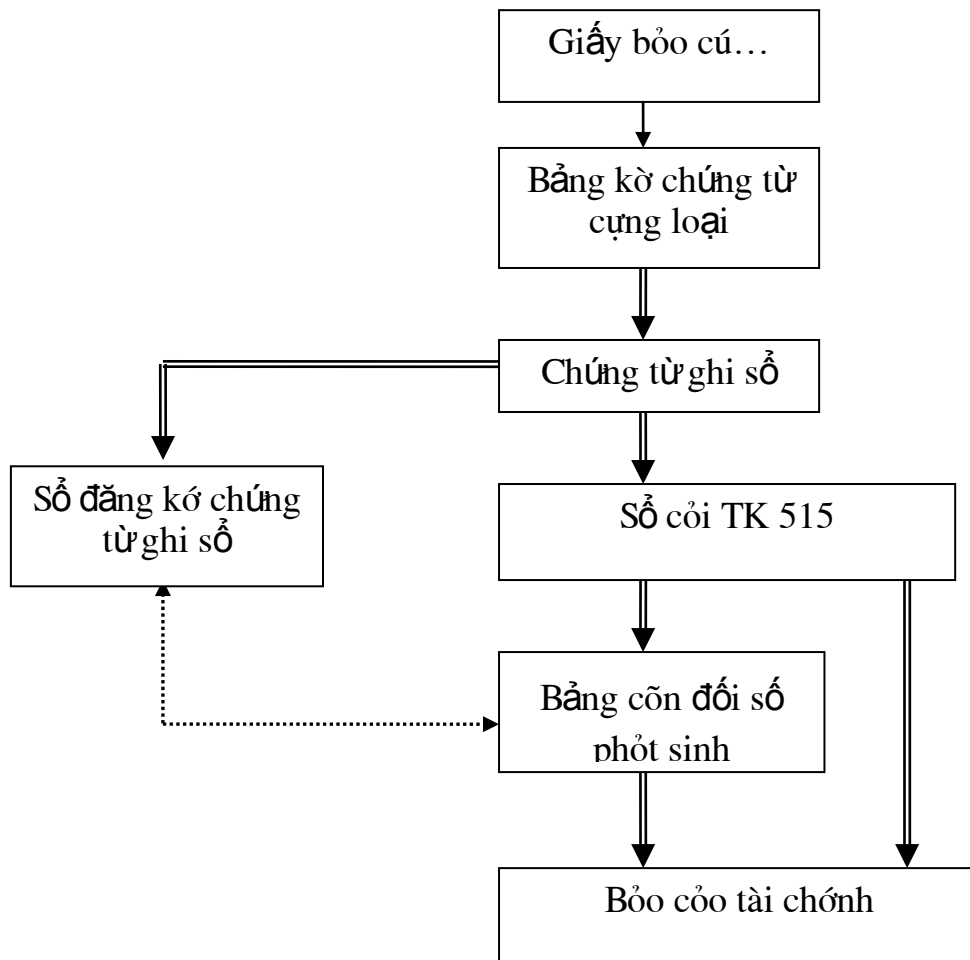
➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo có...
- Phiếu kế toán.

➤ **Sổ kế toán sử dụng:**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 515

**Sơ đồ 2.6:** Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty vận tải quốc tế Nhật Việt.



**Ghi chú**            → Ghi hàng ngày  
                      ⇒ Ghi định kỳ  
                      ↔ Đối chiếu, kiểm tra

**Ví dụ 2.3:**

Ngày 31/12/2010, nhận được Giấy báo Có của ngân hàng Công thương về khoản lãi tiền gửi được hưởng.

**Quy trình hạch toán:**

Kế toán căn cứ vào Giấy Báo Có ghi vào Bảng kê chứng từ cùng loại. Cuối tháng, kế toán căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại ghi vào chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 515.

**Biểu số 2.3.1:**

**NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG HẢI PHÒNG**

**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giờ in: 10:52:46 AM

Kính gửi: Công Ty Vận Tải Quốc Tế Nhật –Việt  
Địa chỉ :Chùa Vẽ , Đường Ngô Quyền ,Hải Phòng  
MST :0200114893  
Số ID khách hàng : 10901815

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung :	Số tiền:
Lãi tiền gửi :	24,114,081
Tổng số tiền:	24,114,081

*Số tiền viết bằng chữ : Hai mươi bốn triệu một trăm mười bốn nghìn không trăm tám mươi một đồng.*

Giao dịch viên

Kiểm soát

**Biểu số 2.3.2:**

Đơn vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt

Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi Nợ TK 112

Tháng 12 Số : 310

Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền ghi Nợ TK112	Ghi có các TK đối ứng			
Ngày tháng	Số hiệu			131	511	3331	515
.....	.....	.....	.....				
15/12/2010	GBC 41	Thu tiền của khách hàng	63,240,000	63,240,000			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/2010	GBC 52	Doanh thu xếp dỡ hàng hóa cho cty Honda Việt Nam	274,725,000		249,750,000	24,975,000	
31/12/2010	GBC 53	Lãi tiền gửi ngân hàng	24,114,081				24,114,081
31/12/2010	GBC 54	Doanh thu vận chuyển hàng hóa cho Cty Goshi Thăng Long	83,556,000		75,960,000	7,596,000	
.....	.....	.....	.....				
		<b>Cộng</b>	<b>1,755,863,427</b>	<b>956,723,700</b>	<b>649,375,000</b>	<b>64,937,500</b>	<b>84,827,227</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kê toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

**Biểu số 2.3.3:**

Đơn vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt  
Địa chỉ: Chùa Vẽ Đường Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số: S02a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số : 310

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT:đồng

Trích tiền	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Thu tiền khách hàng	112	131	956,723,700
Doanh thu vận chuyển hàng hóa	112	511	649,375,000
Thuế GTGT đầu ra	112	3331	64,937,500
Doanh thu hoạt động tài chính	112	515	84,827,227
<b>Cộng</b>			<b>1,755,863,427</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Người ghi sổ*

(Ký, họ tên)

*Kế Toán Trưởng*

( Ký, họ tên)

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 2.3.4:**

Đơn vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt  
Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S02b –DN  
(Ban hành theo QĐ số :  
15/2006/QĐ/BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ**  
Từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2010

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		
.....	.....	.....	.....
308	31/12/2010	Ghi Nợ TK 111	2,255,627,895
309	31/12/2010	Ghi Có TK 111	1,527,413,602
310	31/12/2010	Ghi Nợ TK 112	1,755,863,427
311	31/12/2010	Ghi Có TK 112	1,125,990,910
312	31/12/2010	Ghi Nợ TK 131	1,177,000,000
.....	.....	.....	.....
314	31/12/2010	Ghi Nợ TK 632	1,750,733,400
315	31/12/2010	Ghi Nợ TK 642	375,824,875
...	....	.....	.....
319	31/12/2010	Ghi Nợ TK 811	2,560,777
....	.....	....	.....
332	31/12/2010	Ghi Nợ TK 821	1,107,746,113
333	31/12/2010	Ghi Nợ TK 911	33,388,603,889
334	31/12/2010	Ghi Có TK 911	33,388,603,889
		Tổng cộng	419,601,391,048

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc  
(Ký, họ tên)



**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 2.3.5:**

Đơn vị: Công ty Vận tải Quốc tế Nhật Việt  
Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S02c1 –DN  
(Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ/BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 515- Doanh thu hoạt động tài chính  
Từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2010

Số dư đầu kỳ:

NTGS	CTGS		Diễn giải	SHTKĐƯ	SỐ PHÁT SINH	
	SH	NT			NỢ	CÓ
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/2010	310	31/12/2010	Lãi tiền gửi	112		84,827,227
31/12/2010	334	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	1,017,446,427	
			<b>Cộng</b>		<b>1,017,446,427</b>	<b>1,017,446,427</b>

Số dư cuối kỳ:

**Người ghi sổ**

( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Ngày 31 tháng 12 năm 2010**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

**2.2.3.2 Tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính:**

➤ **Nội dung:** chi phí hoạt động tài chính của Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt là lãi tiền vay.

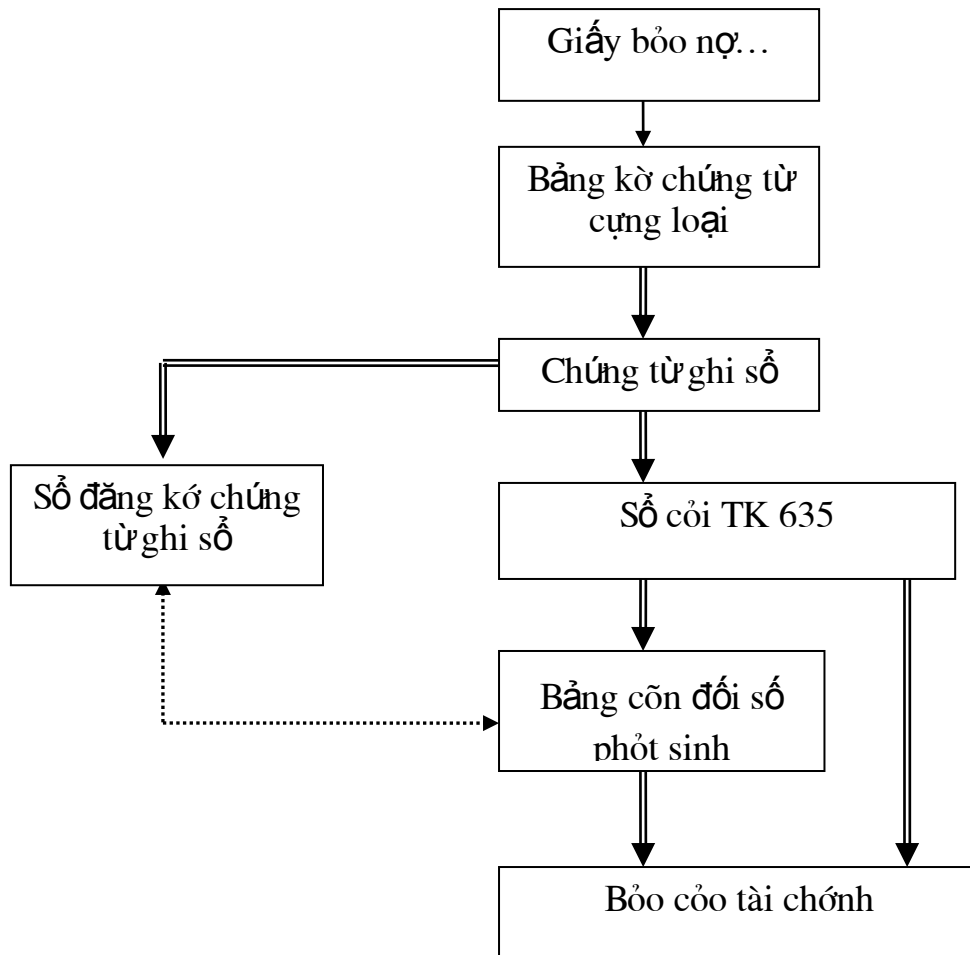
➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán, Phiếu chi, Giấy Báo Nợ.

➤ **Sổ kế toán sử dụng:**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 635

**Sơ đồ 2.7:** Quy trình hạch toán chi phí hoạt động tài chính tại công ty vận tải quốc tế Nhật Việt.



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi định kỳ
  - ↔ Đối chiếu, kiểm tra

**Ví dụ 2.4:**

Ngày 31/12/2010, nhận được Giấy báo Nợ của ngân hàng NN&PTNT VIỆT NAM về tiền lãi vay phải trả: 2,076,052 đồng

**Quy trình hạch toán:**

Kế toán căn cứ vào Giấy Báo Nợ của ngân hàng ghi vào Bảng kê chứng từ cùng loại. Cuối tháng, kế toán căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại ghi vào chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 635.

**Biểu số 2.4.1:**

NGÂN HÀNG NN& PTNT VIỆT NAM

CHI NHÁNH : HẢI AN

MST của CN :5700101235

**GIẤY BÁO NỢ**

Số seri :800311D000000188

Tên khách hàng (customer Name) (8003-066393495 ) Công Ty Vận Tải Quốc Tế Nhật –Việt Địa chỉ :Chùa Vẽ -Đường Ngô Quyền –Hải Phòng MST của KH :0200114893	Ngày giao dịch( Date) 31/12/2010
--	-------------------------------------

Thông báo với Quý khách hàng( This is to certify that)

Chúng tôi đã ghi Nợ vào TK của Quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền sau  
(We have debited the following that amount from your accout /or received by cash)

Chúng tôi đã ghi Có vào TK của Quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền sau  
(We have credited the following that amount from your accout /or paided by cash )

Diễn giải		Thu lãi tiền vay	
Số tài khoản ( A/C No.)		Số GD (Ref)	8003-LDS-201101543

Chi tiết	Số tiền	Diễn giải
Bằng chuyển khoản	2,076,052	Thu lãi tiền vay
Tổng số	2,076,052	

Người in: Hòa Thị Hoa

Ngày in: 31/12/2010 ,giờ in: 16:21:33

**Khách hàng**

**Giao dịch viên**

**Kiểm soát**

**Giám đốc**

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 2.4.2:**

Đơn vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt

Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi Có TK 112

Tháng 12 Số : 311

Chứng từ		Diễn giải	Tổng ST Ghi Có TK 112	Ghi Nợ các TK khác				
NT	SH			111	211	133	152	635
.....	....	.....	.....	....	....	....	....	.....
04/12/2010	PT126	Rút TGNH nhập quỹ tiền mặt	50,000,000	50,000,000				
04/12/2010	GBN 25	Mua 3 máy tính	23,100,000		21,000,000	2,100,000		
04/12/2010	GBN 26	Mua ắc quy GS 12V-150	12,760,000			1,160,000	11,600,000	
.....	....	.....	.....	....	....	....	....	.....
31/12/2010	GBN 60	Chi phí lãi vay phải trả	2,076,052					2,076,052
		<b>Cộng</b>	<b>1,125,990,910</b>	<b>302,500,000</b>	<b>45,870,000</b>	<b>74,674,078</b>	<b>700,960,780</b>	<b>2,076,052</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

**Biểu số 2.4.3:**

Đơn Vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt  
Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S02a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số : 311

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT:đồng

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Rút tiền gửi NH nhập quỹ tiền mặt	111	112	302,500,000
Mua TSCĐ	211	112	45,870,000
Thuế GTGT đầu vào	133	112	74,674,078
Mua nhiên liệu,vật tư	152	112	700,960,780
Chi phí tài chính	635	112	2,076,052
<b>Tổng</b>			<b>1,125,990,910</b>

*Người ghi sổ*  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
*Kế Toán Trưởng*  
(Ký, họ tên)

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu số 2.4.4:**

Đơn vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt  
Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S02b –DN  
(Ban hành theo QĐ số :  
15/2006/QĐ/BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

### SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2010

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		
.....	.....	.....	.....
308	31/12/2010	Ghi Nợ TK 111	2,256,343,895
309	31/12/2010	Ghi Có TK 111	1,527,413,602
310	31/12/2010	Ghi Nợ TK 112	1,755,863,427
311	31/12/2010	Ghi Có TK 112	1,125,990,910
312	31/12/2010	Ghi Nợ TK 131	1,177,000,000
.....	.....	.....	.....
314	31/12/2010	Ghi Nợ TK 632	1,750,733,400
315	31/12/2010	Ghi Nợ TK 642	375,824,875
...	....	.....	.....
319	31/12/2010	Ghi Nợ TK 811	2,560,777
....	.....	....	.....
332	31/12/2010	Ghi Nợ TK 821	1,107,746,113
333	31/12/2010	Ghi Nợ TK 911	33,388,603,889
334	31/12/2010	Ghi Có TK 911	33,388,603,889
		<b>Tổng cộng</b>	<b>419,601,391,048</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc  
(Ký, họ tên)



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

### **Biểu số 2.4.5:**

Đơn vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt  
Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S02c1-DN  
(Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ/BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

### **SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 635- Chi phí hoạt động tài chính  
Từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2010

NTGS	CTGS		Diễn giải	SHTKĐƯ'	Số dư đầu kỳ:	
	SH	NT			Nợ	Có
.....	...	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/2010	311	31/12/2010	Chi phí hoạt động tài chính	112	2,076,052	
31/12/2010	333	31/12/2010	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911		24,912,625
			<b>Cộng</b>		<b>24,912,625</b>	<b>24,912,625</b>

Số dư cuối kỳ:

**Người ghi sổ**

( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Ngày 31 tháng 12 năm 2010**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

2.2.4. Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác

2.2.4.1 Tổ chức kế toán thu nhập khác:

➤ **Nội dung:** Thu nhập khác của công ty vận tải quốc tế Nhật-Việt là từ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán, Phiếu thu.

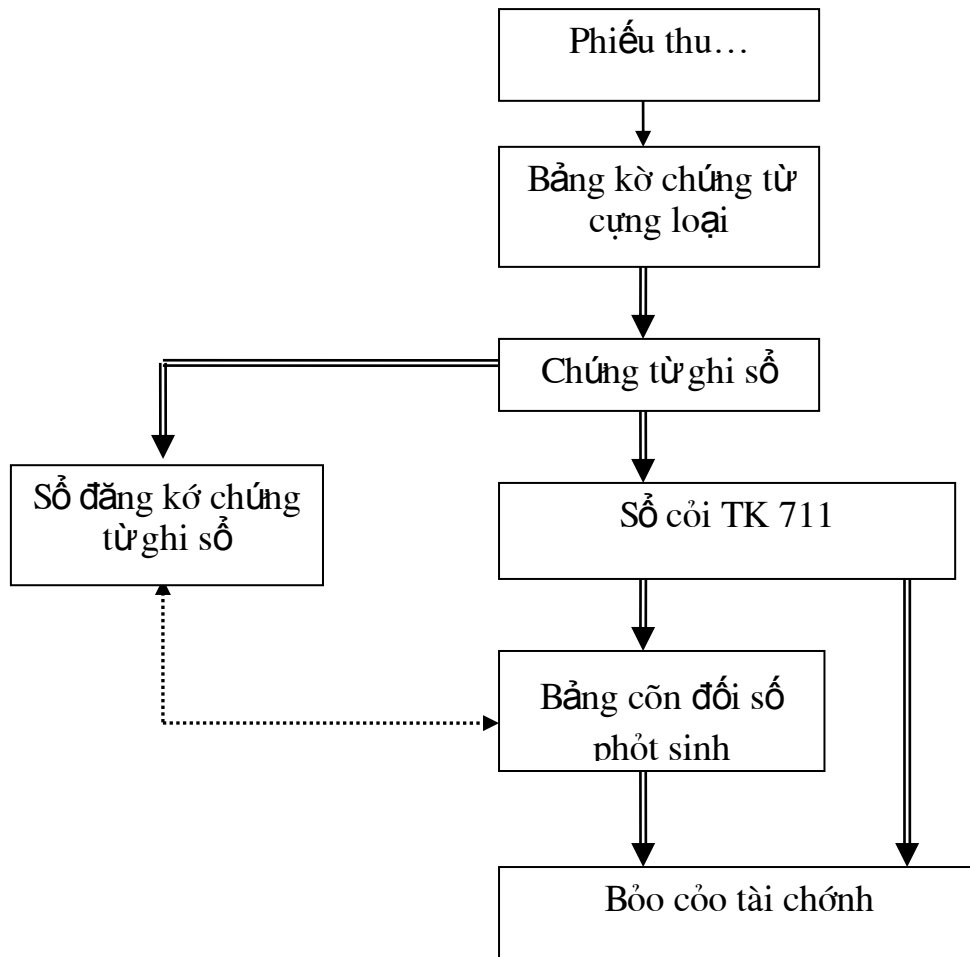
➤ **Sổ kế toán sử dụng:**

- Chứng từ ghi sổ

- Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ

- Sổ cái TK 711

**Sơ đồ 2.8:** Quy trình hạch toán thu nhập khác tại công ty vận tải quốc tế Nhật Việt.



**Ghi chú**

→ Ghi hàng ngày

⇒ Ghi định kỳ

↔ Đối chiếu, kiểm tra

**Ví dụ 2.5:**

Ngày 31/12/2010, công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật-Việt nhượng bán một xe nâng tay mã số 71.183 cho công ty TNHH vận tải biển Hải Châu. Nguyên giá 24,000,000, đã khấu hao 23,000,000 Giá bán tài sản cố định 7,160,000, thuế GTGT 10%. Công ty đã thu bằng tiền mặt.

**Quy trình hạch toán:**

Kế toán lập hoá đơn GTGT số 072532. Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 072532, kế toán lập phiếu thu số 172

Căn cứ vào phiếu thu số 172 kế toán ghi vào Bảng kê chứng từ cùng loại. Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại kế toán ghi vào Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ và Sổ cái TK 711.



**Biểu số 2.5.2:**

**Mẫu số 01-TT**

**CÔNG TY VẬN TẢI QUỐC TẾ NHẬT  
VIỆT**

**(Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

**Chùa Vẽ -Đường Ngô Quyền- Hải Phòng**

**PHIẾU THU**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số 172

**111:7,876,000**

**Nợ TK**

**711:7,160,000**

**Có TK**

**3331:716,000**

**Có TK**

Họ tên người nộp tiền : Công ty TNHH vận tải biển Hải Châu

Lý do thu : Thu tiền nhượng bán xe nâng tay

Số tiền : **7,876,000**

Số tiền viết bằng chữ : Bảy triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn.

Kèm theo : 01 HĐGTGT

**Ngày 31 tháng 12 năm 2010**

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập biểu	Thủ quỹ
(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)



**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 2.5.3:**

Đơn vị: Công ty Vận tải Quốc tế Nhật Việt

Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi Nợ TK 111

Tháng 12 Số : 308

Chứng từ		Diễn giải	Tổng ST Ghi Nợ TK111	Ghi Có TK ĐƯ				
Ngày tháng	Số hiệu			112	131	511	3331	711
....	....	...	...	...	...	...	...	...
8/12/2010	PT 132	Phải thu khách hàng	25,900,000		25,900,000			
8/12/2010	PT 133	Rút tiền gửi NH về nhập quỹ tiền mặt	150,000,000	150,000,000				
8/12/2010	PT 134	Doanh thu vận chuyên hàng hóa cho Nhà máy VFG Bắc Ninh	79,200,000			72,000,000	7,200,000	
....	...	...	...	....	....	....	....	...
31/12/2010	PT 172	Thu thanh lý TSCĐ	7,876,000				716,000	7,160,000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
		<b>CỘNG</b>	<b>2,256,343,895</b>	<b>302,500,000</b>	<b>874,500,795</b>	<b>974,061,000</b>	<b>98,122,100</b>	<b>7,160,000</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)



**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

**Biểu số 2.5.5:**

Đơn Vị: Công ty Vận Tài Quốc Tế Nhật Việt  
Địa Chỉ: Chùa Vẽ Đường Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số: S02a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số : 308

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT: đồng

Trích yếu	SHTK		Số tiền
Thu tiền khách hàng	111	131	874,500,795
Rút tiền gửi NH nhập quỹ tiền mặt	111	112	302,500,000
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	111	511	974,061,000
Thuế GTGT đầu ra	111	3331	98,122,100
Thu nhập khác	111	711	7,160,000
<b>Cộng</b>			<b>2,256,343,895</b>

*Người ghi sổ*  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
*Kế Toán Trưởng*  
(Ký, họ tên)

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 2.5.6:**

Đơn vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt  
Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S02b –DN  
(Ban hành theo QĐ số:  
15/2006/QĐ/BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ**  
Từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2010

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		
.....	.....	.....	.....
308	31/12/2010	Ghi Nợ TK 111	2,256,343,895
309	31/12/2010	Ghi Có TK 111	1,527,413,602
310	31/12/2010	Ghi Nợ TK 112	1,755,863,427
311	31/12/2010	Ghi Có TK 112	1,125,990,910
312	31/12/2010	Ghi Nợ TK 131	1,177,000,000
.....	.....	.....	.....
314	31/12/2010	Ghi Nợ TK 632	1,750,733,400
315	31/12/2010	Ghi Nợ TK 642	375,824,875
...	....	.....	.....
319	31/12/2010	Ghi Nợ TK 811	2,560,777
....	.....	....	.....
332	31/12/2010	Ghi Nợ TK 821	1,107,746,113
333	31/12/2010	Ghi Nợ TK 911	33,388,603,889
334	31/12/2010	Ghi Có TK 911	33,388,603,889
		<b>Tổng cộng</b>	<b>419,601,391,048</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Giám đốc  
(Ký, họ tên)

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

### **Biểu số 2.5.7:**

Đơn vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt  
Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S02c1-DN  
(Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ/BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

### **SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 711- Thu nhập khác  
Từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2010

NTGS	CTGS		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số dư đầu kỳ:	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
....	....	....	...	...	...	...
31/12/2010	308	31/12/2010	Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	111		7,160,000
31/12/2010	334	31/12/2010	Kết chuyển thu nhập khác	911	49,921,031	
			<b>Cộng</b>		<b>49,921,031</b>	<b>49,921,031</b>

Số dư cuối kỳ:

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

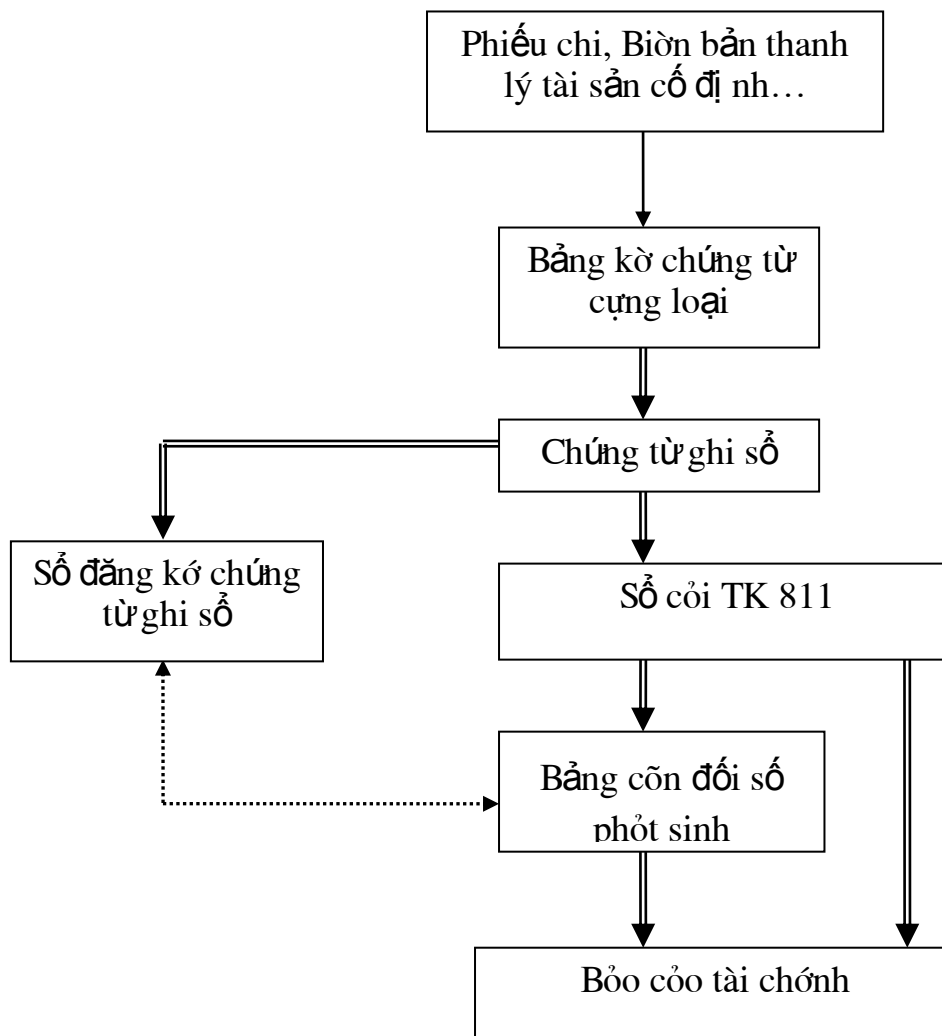
Giám đốc

(Ký, họ tên)

**2.2.4.2 Tổ chức kế toán chi phí khác:**

- **Nội dung:** Chi phí khác của công ty vận tải quốc tế Nhật-Việt là :
  - ✓ Chi phí đòi nợ
  - ✓ Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- **Chứng từ sử dụng:** Phiếu kế toán, Phiếu chi, Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- **Sổ kế toán sử dụng:** Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ cái TK 811

**Sơ đồ 2.9:** Quy trình hạch toán chi phí khác tại công ty vận tải quốc tế Nhật Việt.



**Ghi chú**      → Ghi hàng ngày  
                   ⇒ Ghi định kỳ

← → Đối chiếu, kiểm tra

**Ví dụ 2.6:**

Ngày 25/12/2010, Công ty cử nhân viên Nguyễn Đình Năng đi đòi nợ Công ty Quế Dũng, chi phí xăng xe là 200,000đ chi bằng tiền mặt.

**Quy trình hạch toán:**

Kế toán lập Phiếu Chi số 221. Căn cứ vào Phiếu Chi số 221, kế toán ghi vào Bảng kê chứng từ cùng loại. Cuối tháng, Căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại kế toán ghi vào Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ cái TK 811.

**Biểu số 2.6.1:**

**Mẫu số 02-TT**

**CÔNG TY VẬN TẢI QUỐC TẾ NHẬT  
VIỆT  
Chùa Vẽ - Đường Ngô Quyền- Hải Phòng**

**(Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

**PHIẾU CHI**

Ngày 25 tháng 12 năm 2010

Số 211

**Nợ TK 811: 200,000**

**Có TK**

**111: 200,000**

Họ tên người nhận tiền : Nguyễn Đình Năng  
Địa chỉ : Phòng Tài Chính Kế Toán  
Lý do chi : Chi tiền xăng xe đi đòi nợ Công ty Quế Dũng  
Số tiền : **200,000**  
Số tiền viết bằng chữ : Hai trăm nghìn đồng chẵn  
Kèm theo : Chứng từ gốc

*Ngày 25 tháng 12 năm 2010*

Giám đốc    Kế toán trưởng    Người nộp tiền    Người lập biểu    Thủ quỹ

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.6.:**

Đơn vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt  
 Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Ghi Nợ TK 811  
 Tháng 12 Số : 319

Chứng từ		Diễn giải	Tổng ST Ghi Nợ TK 811	Ghi Có TK ĐƯ	
NT	SH			211	111
....	....	....	....	....	....
31/12/2010	PC 211	Chi phí thu hồi Nợ Công ty Quê Dũng	200,000		200,000
31/12/2010	PKT 72	Chi phí nhượng bán TSCĐ	1,000,000	1,000,000	
...	...	...	...	...	...
		<b>Cộng</b>	<b>2,560,777</b>	<b>1,710,777</b>	<b>850,000</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*  
**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

**Biểu số 2.6.3:**

Đơn Vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt  
Địa Chỉ: Chùa Vẽ Đường Ngô Quyền Hải  
Phòng

Mẫu số: S02a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-  
BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số : 319

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT: đồng

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Chi phí thu hồi nợ	811	111	850,000
Chi phí nhượng bán TSCĐ	811	211	1,710,777
<b>Cộng</b>			<b>2,560,777</b>

*Người ghi sổ*  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
*Kế Toán Trưởng*  
(Ký, họ tên)



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu số 2.6.4:**

Đơn vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt  
Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S02b –DN  
(Ban hành theo QĐ số :  
15/2006/QĐ/BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

### SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2010

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		
.....	.....	.....	.....
308	31/12/2010	Ghi Nợ TK 111	2,256,343,895
309	31/12/2010	Ghi Có TK 111	1,527,413,602
310	31/12/2010	Ghi Nợ TK 112	1,755,863,427
311	31/12/2010	Ghi Có TK 112	1,125,990,910
312	31/12/2010	Ghi Nợ TK 131	1,177,000,000
.....	.....	.....	.....
314	31/12/2010	Ghi Nợ TK 632	1,750,733,400
315	31/12/2010	Ghi Nợ TK 642	375,824,875
...	....	.....	.....
319	31/12/2010	Ghi Nợ TK 811	2,560,777
....	.....	....	.....
332	31/12/2010	Ghi Nợ TK 821	1,107,746,113
333	31/12/2010	Ghi Nợ TK 911	33,388,603,889
334	31/12/2010	Ghi Có TK 911	33,388,603,889
Tổng cộng			419,601,391,048

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Giám đốc  
(Ký, họ tên)

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

### **Biểu số 2.6.5:**

Đơn vị: Công ty Vận tải Quốc tế Nhật Việt  
Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S02c1 –DN  
(Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ/BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

### **SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 811- Chi phí khác  
Từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2010

Số dư đầu kỳ:

NTGS	CTGS		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
....	....	....	....	....	....	....
31/12/2010	319	31/12/2010	Chi phí khác bằng tiền	111	850,000	
31/12/2010	319	31/12/2010	Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	211	1,710,777	
31/12/2010	333	31/12/2010	Kết chuyển chi phí khác	911		35,777,838
<b>Cộng</b>					<b>35,777,838</b>	<b>35,777,838</b>

Số dư cuối kỳ:

**Người ghi sổ**

( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

( Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

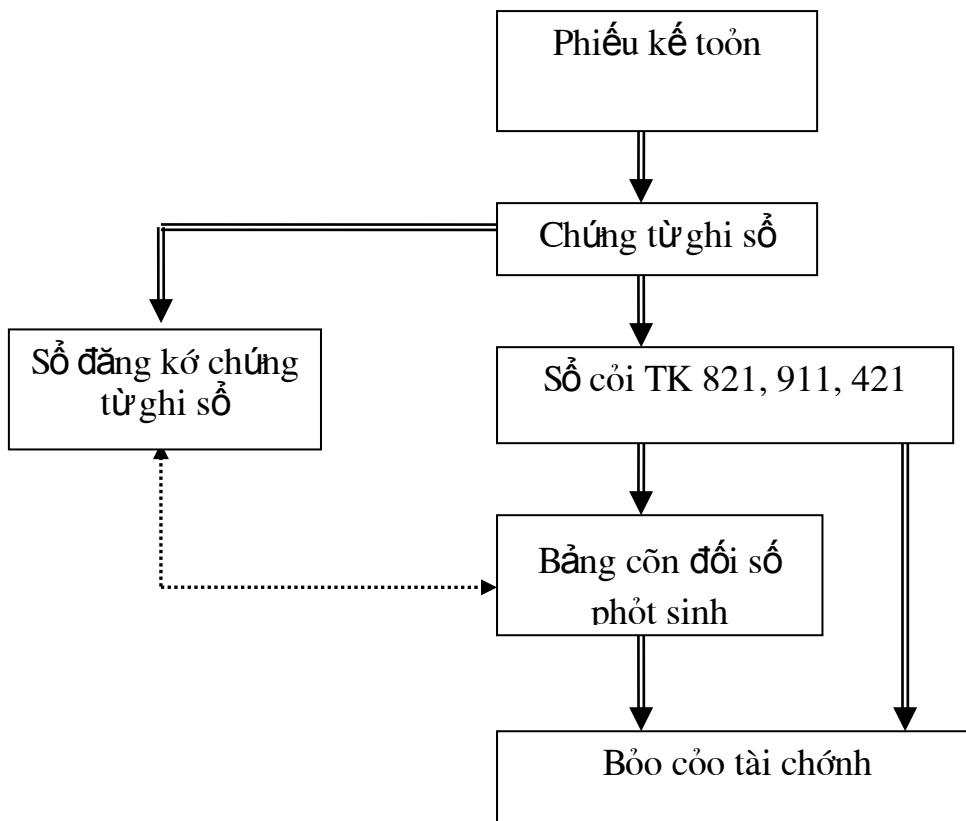
**Giám đốc**

( Ký, họ tên)

+ 2.2.5 Thực trạng tổ chức kế toán xác định KQKD

- Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán
- Tài khoản sử dụng: 821, 911, 421
- Sổ kế toán sử dụng: Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ, Sổ cái TK 821, 911, 421

**Sơ đồ 2.10:** Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty vận tải quốc tế Nhật Việt.



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi định kỳ
  - ↔ Đối chiếu, kiểm tra

**Ví dụ 2.7** : Tính thuế TNDN phải nộp và xác định kết quả kinh doanh năm 2010 của Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật –Việt.

**Quy trình hạch toán:**

Cuối năm kê toán lập Phiếu kê toán. Căn cứ vào Phiếu kê toán kê toán ghi vào Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ ghi vào Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ,

Số	Cái	TK	911,821,421.
----	-----	----	--------------

**Biểu số 2.7.1:**

Đơn vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt

Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 tháng 2010 **SỐ 80**

<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>PS Nợ</b>	<b>PS Có</b>
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	32,321,236,431	
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911		32,321,236,431
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	1,017,446,427	
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911		1,017,446,427
Kết chuyển thu nhập khác	711	49,921,031	
Kết chuyển thu nhập khác	911		49,921,031
Kết chuyển chi phí	911	28,957,619,439	
Kết chuyển giá vốn	632		24,387,030,504
Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635		24,912,625
Kết chuyển chi phí QLDN	642		4,509,898,472
Kết chuyển chi phí khác	811		35,777,838
Xác định thuế TNDN phải nộp	8211	1,107,746,113	
Xác định thuế TNDN phải nộp	3334		1,107,746,113
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	1,107,746,113	
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	8211		1,107,746,113
Kết chuyển lãi	911	3,323,238,337	
Kết chuyển lãi	421		3,323,238,337
<b>Cộng</b>		<b>33,388,603,889</b>	<b>33,388,603,889</b>

**Bằng chữ: Ba mươi ba tỉ, ba trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm linh ba ngàn, tám trăm tám mươi chín đồng.**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*

**Kế toán trưởng**

**Người lập biểu**

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

### **Biểu số 2.7.2:**

Đơn vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt  
Địa chỉ: Chùa Vẽ Đường Ngô Quyền- Hải Phòng

Mẫu số: S02a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số : 332

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

DVT: đồng

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Xác định thuế TNDN	821	3334	1,107,746,113
<b>Cộng</b>			<b>1,107,746,113</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Người ghi sổ*  
(Ký, họ tên)

*Kế Toán Trưởng*  
(Ký, họ tên)



**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 2.7.3:**

Đơn Vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật  
Việt  
Địa chỉ: Chùa Vẽ Đường Ngô Quyền Hải  
Phòng

Mẫu số: S02a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số : 334

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT:đồng

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	32,321,236,431
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1,017,446,427
Kết chuyển thu nhập khác	711	911	49,921,031
<b>Cộng</b>			<b>33,388,603,889</b>

*Người ghi sổ*  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
**Kế Toán Trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.7.4:**

Đơn Vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật  
Việt  
Địa chỉ: Chùa Vẽ Đường Ngô Quyền Hải  
Phòng

Mẫu số: S02a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số : 333

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT:đồng

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển giá vốn	911	632	24,387,030,504
Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	24,912,625
Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	4,509,898,472
Kết chuyển chi phí khác	911	811	35,777,838
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	8211	1,107,746,113
Kết chuyển lãi	911	421	3,323,238,337
<b>Cộng</b>			<b>33,388,603,889</b>



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

*Người ghi sổ*  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
*Kế Toán Trưởng*  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.7.5:**

Đơn vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt  
Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S02b –DN  
(Ban hành theo QĐ số :  
15/2006/QĐ/BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ**  
Từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2010

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		
.....	.....	.....	.....
308	31/12/2010	Ghi Nợ TK 111	2,256,343,895
309	31/12/2010	Ghi Có TK 111	1,527,413,602
310	31/12/2010	Ghi Nợ TK 112	1,755,863,427
311	31/12/2010	Ghi Có TK 112	1,125,990,910
312	31/12/2010	Ghi Nợ TK 131	1,177,000,000
.....	.....	.....	.....
314	31/12/2010	Ghi Nợ TK 632	1,750,733,400
315	31/12/2010	Ghi Nợ TK 642	375,824,875
...	....	.....	.....
319	31/12/2010	Ghi Nợ TK 811	2,560,777
....	.....	....	.....
332	31/12/2010	Ghi Nợ TK 821	1,107,746,113
333	31/12/2010	Ghi Nợ TK 911	33,388,603,889
334	31/12/2010	Ghi Có TK 911	33,388,603,889
Tổng cộng			419,601,391,048

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 2.7.6:**

Đơn vị: Công ty Vận tải Quốc Tế Nhật Việt  
Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S02c1 –DN  
(Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ/BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 821 – Chi phí thuế TNDN  
Từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2010

Số dư đầu kỳ:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
31/12/2010	332	31/12/2010	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	1,107,746,113	
31/12/2010	333	31/12/2010	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		1,107,746,113
<b>Cộng</b>					<b>1,107,746,113</b>	<b>1,107,746,113</b>

Số dư cuối kỳ:

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 2.7.7:**

Địa chỉ: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt  
Đơn vị: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S02c1 –DN  
(Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ/BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 911 – Xác định kết quả kinh doanh  
Từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2010

Số dư đầu kỳ:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
31/12/2010	334	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		32,321,236,431
31/12/2010		31/12/2010	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1,017,446,427
31/12/2010		31/12/2010	Kết chuyển thu nhập khác	711		49,921,031
31/12/2010	333	31/12/2010	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	24,387,030,504	
31/12/2010		31/12/2010	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	24,912,625	
31/12/2010		31/12/2010	Kết chuyển chi phí QLDN	642	4,509,898,472	
31/12/2010		31/12/2010	Kết chuyển chi phí khác	811	35,777,838	
31/12/2010		31/12/2010	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	1,107,746,113	
31/12/2010		31/12/2010	Kết chuyển lãi	421	3,323,238,337	
<b>Cộng</b>					<b>33,388,603,889</b>	<b>33,388,603,889</b>

Số dư cuối kỳ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.7.8:**

Đơn vị: Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt  
Địa chỉ: Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số:  
(Ban hành theo QĐ  
ngày 20/03/2006 c

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối  
Từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số dư
	Số hiệu	Ngày tháng			
31/12/2010	333	31/12/2010	Kết chuyển lãi	911	
			<b>Cộng</b>		Số dư

đầu kỳ: 5,277,489,353

cuối kỳ: 8,600,727,690

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY VẬN TẢI QUỐC TẾ NHẬT – VIỆT**

**3.1. ĐÁNH GIÁ VỀ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY VẬN TẢI QUỐC TẾ NHẬT**

**3.1.1. Kết quả đạt được.**

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán:

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với đặc điểm kinh doanh và quản lý của Công ty.

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức khoa học, thống nhất từ kế toán trưởng xuống các nhân viên kế toán. Phòng kế toán có quy chế làm việc rõ ràng, mỗi kế toán viên đều có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn riêng nhưng vẫn đảm bảo mối liên hệ chặt chẽ giữa các phân hành kế toán với nhau.

- Các nhân viên trong phòng tài chính kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, nhiệt tình trong công việc nên công tác kế toán tại công ty ít khi xảy ra sai sót. Phần lớn nhân viên kế toán là những người gắn bó với công ty từ những ngày đầu thành lập, tuân thủ các quy trình kế toán do công ty thiết lập, am hiểu chế độ, chính sách kế toán và có tinh thần cầu tiến, không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn.

### ❖ Về việc tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán

Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ nhanh chóng, kịp thời. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ, có sử dụng tài khoản chi tiết. Sổ sách kế toán được mở đầy đủ theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ như: Chứng Từ Ghi Sổ, Sổ Đăng Ký Chứng Từ Ghi Sổ, Sổ Cái( theo hình thức Chứng từ ghi sổ). Các sổ sách kế toán đều được ghi chép đúng quy định của Chế Độ kế toán.

### 3.1.2. Hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật –Việt vẫn còn có những hạn chế nhất định:

#### 3.1.2.1 Chưa áp dụng phần mềm kế toán:

Hiện Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán phục vụ cho công tác kế toán.  
Dẫn đến:

- Ghi chép lặp lại nhiều lần cho một nghiệp vụ

- Khả năng kiểm soát thông tin báo cáo chậm
- Khả năng kiểm soát thông tin khách hàng, vật tư hàng hoá... kém.
- Tìm kiếm thông tin khó khăn.
- Công tác tính toán tổng hợp thông tin dễ nhầm lẫn. Đặc biệt việc lập BCTC tương đối vất vả.
- Việc kiểm tra sai sót khó khăn

**3.1.2.2. Chưa tận dụng và khai thác tiềm lực của bãi chứa Container:**

Hiện nay với tổng diện tích khoảng gần 15,000m<sup>2</sup> VIJACO đã sử dụng 6,000m<sup>2</sup> làm bãi chứa Container CY và 2,000m<sup>2</sup> làm kho CFS, so với các Công ty khác trong ngành thì diện tích này vẫn là khá khiêm tốn. Trong bãi chứa Container, trừ đi khoảng 1,000m<sup>2</sup> làm lối đi, 5,000m<sup>2</sup> còn lại dùng để chứa các container loại 20 tấn và 40 tấn. Do nhu cầu thực tế, Công ty chủ trương sử dụng khoảng 500m<sup>2</sup> để chứa container 20 tấn và 4,500m<sup>2</sup> còn lại để chứa container 40 tấn.

**Bảng 3.1: Tình hình bãi chứa Container**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Container 20 tấn	Container 40 tấn
1	Độ rộng (1 container)	m <sup>2</sup>	12	24
2	Diện tích chứa của bãi	m <sup>2</sup>	500	4,500
3	Tổng sức chứa của bãi	chiếc	100	500
4	Số lượng thực tế (1 tháng)	chiếc	30	200
5	Tiền nâng hạ (1 container)	đồng	350,000	500,000
6	Tiền shipcide (1 container)	đồng	150,000	200,000

(Nguồn: Phòng Kho bãi)

Trung bình mỗi container 20 tấn rộng 12m<sup>2</sup> và container 40 tấn rộng 24m<sup>2</sup>. Theo cách xếp 1 tầng, 500m<sup>2</sup> chứa được khoảng 30 container 20 tấn và 4,500m<sup>2</sup> chứa được khoảng 180 container 40 tấn. Và theo cách xếp từ 3 đến 4 tầng, tổng sức chứa bãi container của VIJACO có khả năng chứa được khoảng 100 container 20 tấn và 500 container 40 tấn.

Mặc dù có tiềm lực như trên nhưng thực tế cho thấy mỗi tháng trong bãi chứa của Công ty mới chỉ chứa khoảng 20 – 30 container 20 tấn và khoảng gần 200 container 40 tấn.

***Các khoản thu về từ việc khai thác bãi chứa container bao gồm:***

- Tiền nâng hạ: 350,000 đồng / Container 20 tấn và 500,000 đồng / Container 40 tấn.
- Tiền shipcide (tiền đưa container từ bãi ra cảng để lên tàu xuất khẩu đi nước ngoài): 150,000 đồng / Container 20 tấn và 200,000 đồng / Container 40 tấn.
- Container được thỏa thuận lưu bãi trong thời gian tối đa là 10 ngày. Nếu quá 20 ngày bên thuê không đến lấy Công ty sẽ bắt đầu thu tiền lưu bãi kể từ ngày thứ 11 là 1\$/ngày, đồng thời Công ty sẽ gửi thông báo cho bên thuê.

Trong đó khoản thu chính là tiền nâng hạ container còn tiền shipcide chỉ thu về khi có container trong bãi xuất lên tàu và Công ty hầu như không thu về tiền lưu



bãi. Như vậy doanh thu và lợi nhuận thu về từ hoạt động kinh doanh kho bãi sẽ bị hạn chế rất nhiều nếu Công ty không có các giải pháp khai thác triệt để tiềm lực mà mình đang có.

### **3.1.2.3. Chưa lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho tài khoản 642:**

Công ty chưa tiến hành mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho tài khoản 642 làm cho công ty không theo dõi được cụ thể các khoản mục chi phí nằm trong tài khoản 642 như: chi phí tiền lương nhân viên quản lý, chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ công tác quản lý doanh nghiệp....

### **3.1.2.4. Chưa áp dụng chiết khấu thanh toán:**

Khách hàng luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy việc không áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho những khách hàng toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không khuyến khích được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này làm chậm khả năng thu hồi vốn của công ty.

## **3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY VẠN TÀI QUỐC TẾ NHẬT VIỆT**

### **3.2.1: Giải pháp về sử dụng phần mềm kế toán**

Phần mềm kế toán có những lợi ích sau:

- Ít tốn thời gian: phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần đưa số liệu vào và thao tác in ra.
- Chính xác: các chương trình kế toán có độ chính xác cao và hiếm khi gây ra lỗi.
- Dễ sử dụng: doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có những hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán có thể sử dụng một cách dễ dàng...

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp. Công ty có thể lựa chọn phần mềm kế toán phù hợp với công ty mình như: phần mềm kế toán máy **Sas Innova, FTS Accounting, Simba Accounting** ...

+ **Phần mềm kế toán SAS INNOVA** (phiên bản 6.8)

Phần mềm Quản trị Doanh nghiệp SAS INNOVA 6.8 là phiên bản mới nhất của Công ty SIS Việt Nam. Phiên bản đã được thiết kế theo quy định mới nhất của Bộ Tài chính. Với sản phẩm này người sử dụng chỉ cần cập nhật các số liệu đầu vào phát sinh chương trình sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán, phân tích tài chính, sản xuất kinh doanh.

Một số tính năng nổi bật như : người dùng chỉ việc lựa chọn giao dịch hàng ngày để thực hiện mà không cần biết định khoản, cho phép nhập dữ liệu nhanh chóng, giảm 90% thời gian với chứng từ số liệu tương tự, cho phép thực hiện các nghiệp vụ tạo và in phiếu thu tiền, phiếu xuất kho ngay trên HĐ bán hàng....

Dưới đây là giao diện làm việc của phần mềm kế toán Sas Innova :

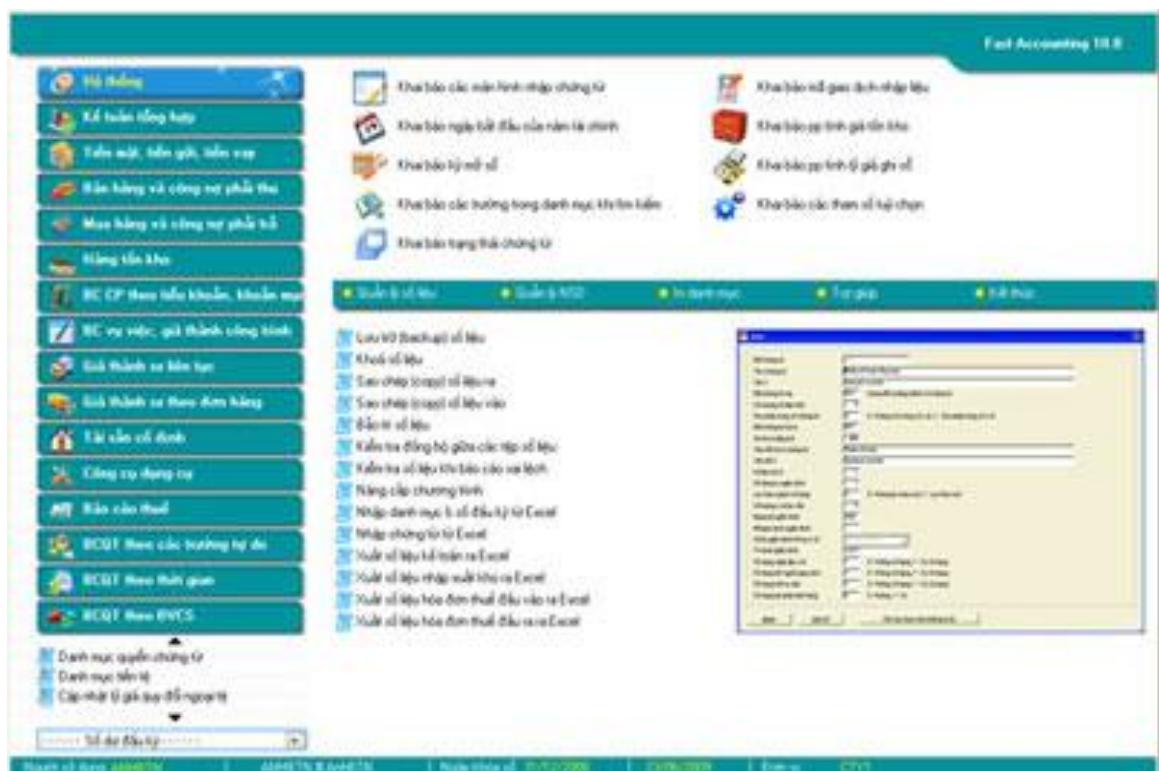


+ Phần mềm kế toán FTS Accounting:

Phần mềm kế toán doanh nghiệp FTS Accounting phiên bản 2010 là giải pháp kế toán cho mọi loại hình doanh nghiệp với ưu điểm là tính ổn định, linh hoạt, dễ sử dụng và khả năng tùy biến phù hợp với yêu cầu quản lý với một số tính năng khác như:

- Hỗ trợ đa tiền tệ, hệ thống báo cáo trên hai loại tiền tệ khác nhau.
- Hỗ trợ đa ngôn ngữ, bao gồm tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Nhật.
- Giao diện thân thiện, dễ dùng. Nhiều tính năng rà soát, xử lý dữ liệu tương tự như trên Excel.
- Hoạt động ổn định, hạn chế lỗi khi có sự cố mất điện, virus, hạn chế tối đa sai sót do người sử dụng.
- Cho phép người sử dụng tự thay đổi các chức năng, các báo cáo.

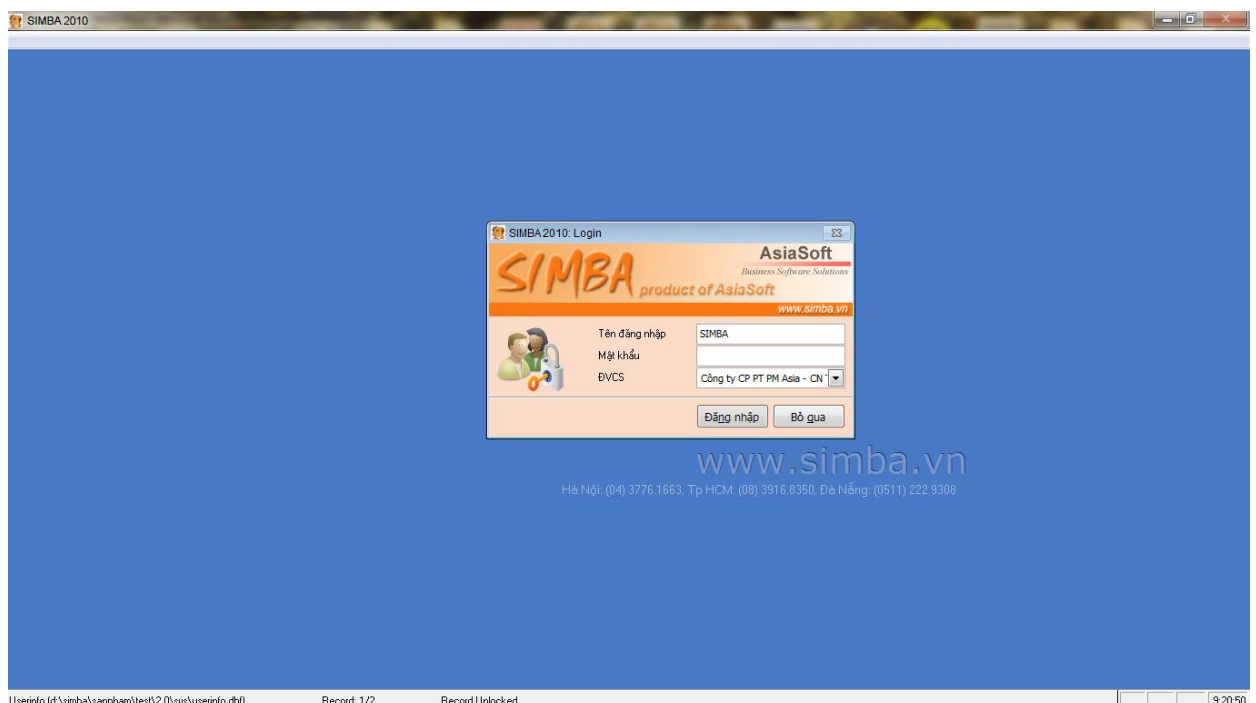
Dưới đây là giao diện làm việc của phần mềm kế toán FTS Accounting:



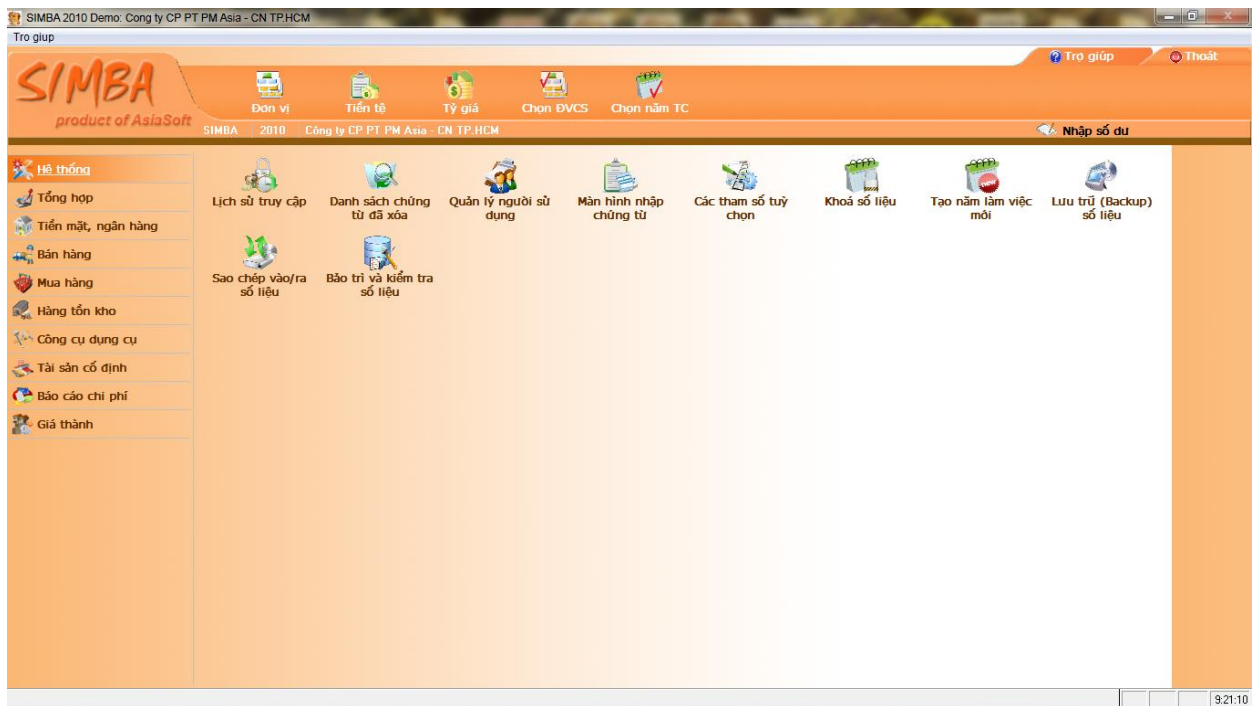
### + Phần mềm kế toán Simba Accounting:

Phần mềm kế toán Simba Accounting là sản phẩm phần mềm kế toán được thiết kế dành riêng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, nguồn nhân lực vẫn có thể làm chủ được công nghệ áp dụng vào công tác quản lý tài chính kế toán mang lại hiệu quả cao nhất cho doanh nghiệp. Phần mềm kế toán doanh nghiệp Simba Accounting là giải pháp kế toán phù hợp, mang lại hiệu quả cao với ưu điểm giao diện thân thiện, dễ sử dụng; hệ thống báo cáo phong phú và đa dạng; kết xuất ra excel dễ dàng; cho phép lựa chọn bảng mã fonts khi kết xuất ra excel; liên kết với phần mềm HTKK...

Dưới đây là giao diện làm việc của phần mềm kế toán Simba Accounting:



Hệ thống menu:



**3.2.2 Giải pháp tận dụng và khai thác tiềm lực của bãi chứa Container**

Trong bãi hiện giờ số container đang chứa chủ yếu là container hàng hóa hoặc vỏ container do chủ hàng thuê và một số lượng rất nhỏ do hãng tàu thuê. Để khai thác được tiềm năng sẵn có của mình Công ty nên hướng đối tượng thuê bãi vào các hãng tàu nhiều hơn nữa. Vì container hàng của hãng tàu khi về Việt Nam đa số đều được lưu tại các cảng chính như Cảng Hải Phòng, Cảng Đoạn Xá, Cảng Chùa Vẽ,... Còn container khi xuất đi thì còn phụ thuộc vào phía chủ hàng và một số lý do khách quan khác. Do đó để thu hút các hãng tàu đưa container về bãi của mình VIJACO nên giảm giá tiền shipcide, tiền nâng hạ vẫn là khoản thu chủ yếu. Để làm tốt công việc này, Công ty cần cử ít nhất là 2 nhân viên tập trung làm một số việc như: thường xuyên khảo sát tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa, tìm kiếm thông tin về giá cả của các đối thủ cạnh tranh và chủ động lên các hãng tàu trực tiếp giới thiệu, đưa ra các mức giá ưu đãi nhằm thương lượng để đưa container của các hãng tàu về bãi VIJACO.

**3.2.3: Lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho tài khoản 642.**

Công ty cần lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh bởi: Lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh nhằm xác định rõ từng khoản mục trong chi phí quản lý doanh nghiệp. Đồng thời, xem xét và tìm nguyên nhân gây ra biến động lớn của các khoản mục chi phí so với cùng kỳ năm trước hoặc so với cùng kỳ trước đó đồng thời xác định hiệu quả kinh tế mang lại do chi các khoản này để có biện pháp tiết kiệm chi phí một cách hợp lý.

Dưới đây là Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh( Mẫu số S36- DN- ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ/BTC ngày 20/032006 của Bộ Trưởng BTC

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

Đơn vị:

Mẫu số S36-DN

Địa chỉ

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-  
BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng  
BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

(dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

Tài khoản:

Tên phân xưởng:

Tên sản phẩm, dịch vụ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền	Chia ra				
	Số hiệu	NT				.....	.....	.....	.....	.....
			Số dư đầu kỳ							
			Cộng phát sinh							
			Số dư cuối kỳ							

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Ngày.... tháng.... năm  
Kế toán trưởng

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

(Ký, họ  
tên)

**Đơn vị:** Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật- Việt

**Địa chỉ:** Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Hải Phòng

**Mẫu số S36-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-  
BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền	Chia ra						
	Số hiệu	NT				Nhân viên quản lý	Dụng cụ đồ dùng văn phòng	Khấu hao TSCĐ	Thuế, phí, lệ phí	Dịch vụ mua ngoài	Chi phí khác	Chi phí BH phương tiện
....	....	....	....	....	....	....	....	....	....	....	....	....
01/1 2	BPB CCDC	01/ 12	Phân bổ công cụ dụng cụ T12	242	28,450,90 0		28,450,90 0					
07/1 2	PC 152	07/ 12	Chi tiền tiếp khách	111	2,850,000						2,850,00 0	
....	....	....	....	....	....	....	....	....	....	....	....	....
25/1 2	PC 210	25/ 12	Chi tiền điện thoại T11	111	698,496						698,496	
26/1 2	PC 211	21/ 12	Phí qua đường	111	1,020,000				1,020,000			



**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

26/1 2	PC 212	24/ 12	Chi tiền BH xe	111	120,000							120,000
28/1 2	PKT/L T12	28/ 12	Trả lương tháng 12	334	261,924,0 00	261,924,0 00						
28/1 2	PKT/L T12	28/ 12	Phải trả, phải nộp khác	338	22,263,54 0	22,263,54 0						
31/1 2	PKT/K H12	31/ 12	Khấu hao tài sản cố định	214	32,160,69 5			32,160,69 5				
			<b>Cộng</b>		<b>4,509,898 ,472</b>	<b>2,553,700, 000</b>	<b>290,908,5 00</b>	<b>247,900,6 95</b>	<b>502,340,7 20</b>	<b>468,990, 496</b>	<b>431,238, 061</b>	<b>14,820,0 00</b>

Người ghi  
sổ  
(Ký, họ tên)

Ngày.... tháng.... năm.....  
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

### **3.2.4. Về việc sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán.**

Việc sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ giúp khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh chóng tiền hàng trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu dài.

✓ **Phương pháp xác định:**

Mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty xây dựng dựa trên thực tế của công ty, nhưng cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng ngành, tương đồng về quy mô. Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, thời gian trả nợ trước hạn và tỷ lệ lãi suất của ngân hàng. Khi xây dựng tỷ lệ chiết khấu, công ty cần lưu ý một số điểm sau:

- Tỷ lệ chiết khấu này không nên quá lớn làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, và cũng không nên quá nhỏ khiến nó không thể phát huy tác dụng kích thích khách hàng thanh toán trước hạn.
- Khi áp dụng một tỷ lệ chiết khấu nhất định sẽ ảnh hưởng đến tốc độ thu tiền đối với các khoản phải thu nhưng tỷ lệ chiết khấu sẽ làm giảm lợi nhuận. Công ty cần xem xét liệu chi phí đầu tư khoản phải thu có đủ bù đắp thiệt hại do giảm lợi nhuận hay không.

Khoản chiết khấu thanh toán sẽ được áp dụng với những khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước thời hạn quy định, khoản chiết khấu này được hạch toán vào TK 635- Chi phí tài chính.

✓ **Phương pháp hạch toán:**

Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131,111,112.....

Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính.

## KẾT LUẬN

Kế toán có một vai trò quan trọng đối với công tác quản lý kinh tế, bao gồm cả quản lý kinh tế vĩ mô và vi mô. Đặc biệt, trong điều kiện phát triển không ngừng của nền kinh tế thị trường hiện nay thông tin kinh tế giữ một vai trò quan trọng. Nó quyết định sự thành công hay thất bại của các hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, để đảm bảo có thể thường xuyên nắm bắt được mọi thông tin kinh tế trong nội bộ doanh nghiệp và không ngừng nâng cao vai trò của kế toán đối với công tác quản lý thì một điều quan trọng trước tiên là phải tổ chức thật tốt công tác kế toán.

Trong điều kiện hiện nay, cạnh tranh trên thị trường diễn ra ngày càng gay gắt, kết quả kinh doanh của mỗi doanh nghiệp có tính chất quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp đó. Vì vậy, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh càng phải được tổ chức tốt, đảm bảo phản ánh, ghi chép một cách đầy đủ, chính xác tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này sẽ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra các quyết định kinh tế phù hợp nhằm nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Quá trình thực tập tại Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật Việt, em nhận thấy công tác tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở Công ty thực hiện khá đầy đủ, đúng chế độ tài chính kế toán do Nhà nước quy định và đảm bảo cung cấp thông tin theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số điểm hạn chế nhất định. Để kế toán thực sự là công cụ quản lý không thể thiếu, Công ty nên tiếp tục hoàn thiện tổ chức công tác kế toán, đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Vận dụng những kiến thức đã được tiếp thu ở trường kết hợp với thực tế tại Công ty em đã nêu một số nhận xét cũng như đề xuất với mong muốn đóng góp một phần vào việc hoàn thiện công tác kế toán của Công ty và nâng cao hiệu quả của công tác quản lý.

Do thời gian có hạn và trình độ còn hạn chế nên bài viết không tránh khỏi những thiếu sót. Em mong nhận được các ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo để đề tài của em được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn Ths. Trần Thị Thanh Phương và các cô chú, anh chị phòng Tài Chính Kế Toán Công ty Vận Tải Quốc Tế Nhật –Việt đã tận tình giúp đỡ, hướng dẫn em hoàn thành bài khóa luận này.

Sinh viên

Hoàng Thị Lan